



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN** **2021**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

www.phongphucorp.com

MỤC LỤC

04

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

26

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Chính sách người lao động
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

52

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

68

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

74

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

86

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
Tên tiếng Anh	: PHONG PHU CORPORATION
Mã cổ phiếu	: PPH
Giấy chứng nhận ĐKDN	: 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 20/02/2009, thay đổi lần 17 ngày 01/12/2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 746.708.910.000 đồng



Vốn điều lệ

746.708.910.000 VNĐ

Số điện thoại	: (028) 3514 7340
Số fax	: (028) 3840 6790
Website	: phongphucorp.com
Trụ sở chính	: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Logo	



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tiền thân của Tổng Công ty CP Phong Phú là Khu Kỹ nghệ Sicovina - Phong Phú trực thuộc Công ty kỹ nghệ Bông vải Việt Nam.
14/10/1964: Nhà máy đầu tiên được xây dựng.



Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng.

Mã chứng khoán PPH của Tổng Công ty CP Phong Phú chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM.



1964

1966

2009

2014

2017

2021

Nhà máy đầu tiên chính thức đi vào hoạt động, do chính quyền Sài Gòn cũ trực tiếp quản lý.



Công ty tăng vốn điều lệ lên hơn 733 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu sáp nhập PPF (Công ty Cổ phần Vải Phong Phú) và PPH (Công Ty Cổ Phần Dệt Gia Dụng Phong Phú) - 02 công ty con của Phong Phú.



Ngày 01/12/2021, Tổng Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 17.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).



Thủ đô Hà Nội

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2021, Tổng Công ty CP Phong Phú có 04 Chi nhánh hoạt động tại các tỉnh thành: TP. Hà Nội, Nha Trang, Ninh Thuận, TP Đà Lạt - Lâm Đồng. Cơ sở sản xuất chính đóng tại TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

TP. Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa)

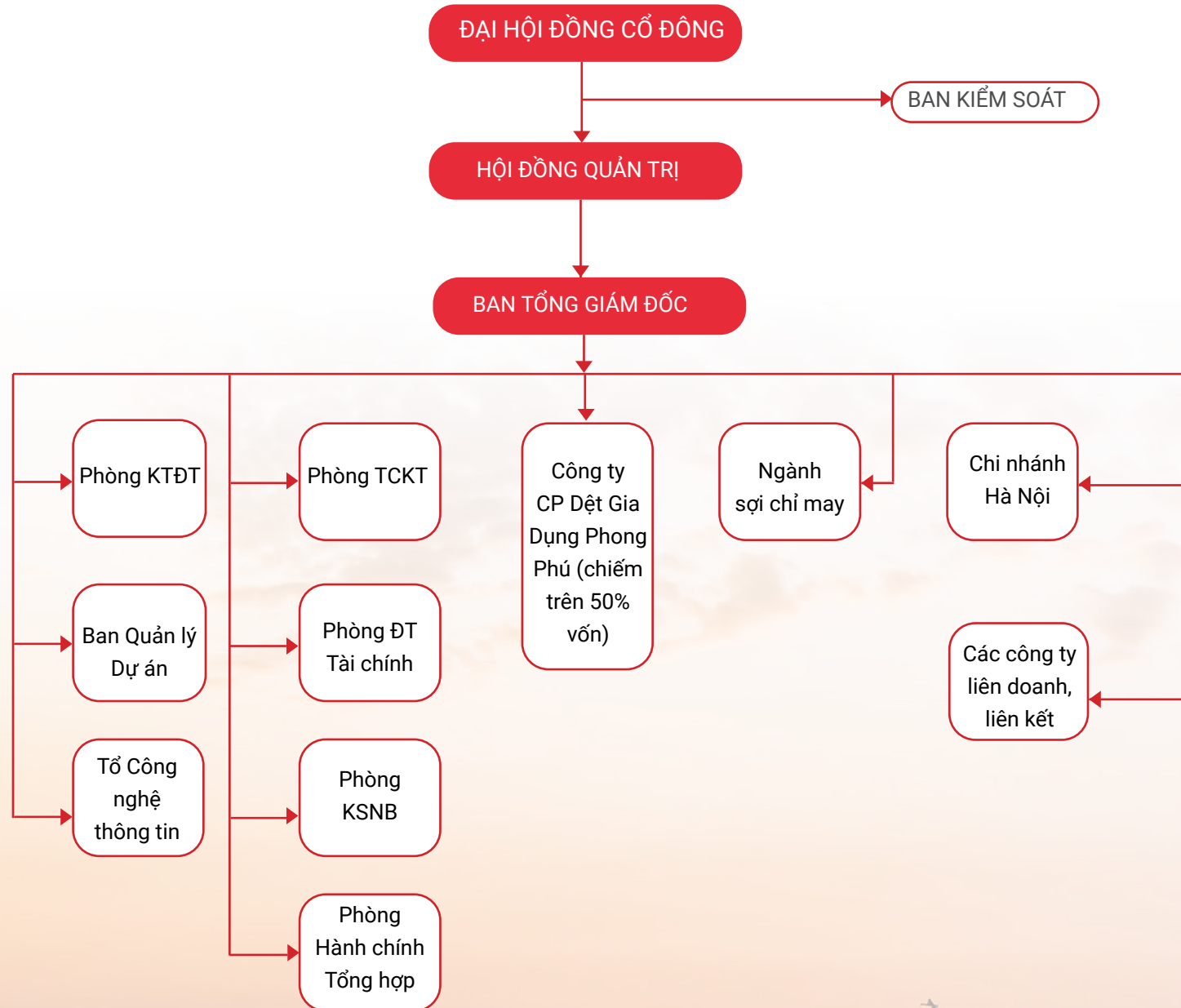
Tỉnh Ninh Thuận

TP. Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng)

TP. Hồ Chí Minh

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÔNG TY HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH CÔNG TY CỔ PHẦN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Các phòng ban nghiệp vụ:** Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I. Công ty con					
1	Công Ty cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú	160.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.	144.000.000.000	90%
II Công ty liên kết					
1	Công ty CP may Đà Lạt	10.577.542.764	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt	4.231.000.000	40,00%
2	Công ty CP PT Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	328.478.661.966	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	125.190.000.000	44,02%
3	Công ty CP dệt Đông Nam	60.370.240.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.	21.724.480.000	35,99%
4	Công ty TNHH Coats Phong Phú	225.389.712.000	Sản xuất, mua, bán bông, sợi	85.253.638.578	35,00%
5	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	20.000.000.000	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông.	6.800.516.237	31,71%
6	Công ty CP dệt may Nha Trang	185.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may.	56.143.750.000	30,35%
7	Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	46.500.000.000	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản.	10.000.000.000	21,51%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành doanh nghiệp kinh tế vững mạnh hàng đầu Việt Nam và khu vực, Phong Phú chuyên sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Dệt may góp phần nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng vượt trội nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

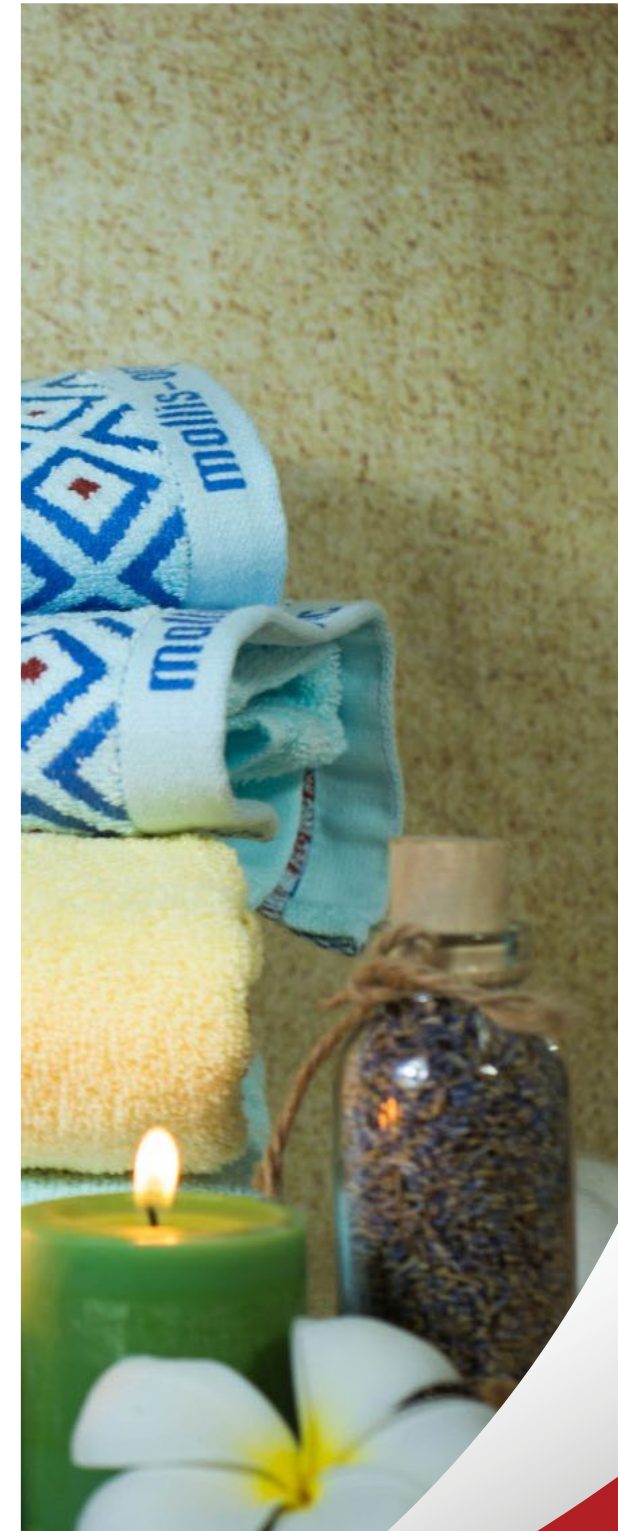
Tâm nhìn

Sứ mệnh

Nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng vượt trội.

Giá trị cốt lõi

- Tạo ra một môi trường làm việc an toàn về mọi mặt và mang lại hiệu quả cao.
- Đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng bằng tất cả các giải pháp.
- Gia tăng giá trị và lợi ích của Cán bộ công nhân viên, cổ đông, đối tác, khách hàng;
- Hợp tác, phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



-VỚI GIA DỤNG-

- Phát triển mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Tiếp tục củng cố các kênh bán hàng truyền thống, phát triển mới các kênh bán hàng kỹ thuật số;
- Có lộ trình hợp lý hóa sản xuất theo hướng tinh gọn, phù hợp xu thế, đáp ứng yêu cầu nhanh và giảm chi phí sản xuất;
- Tập trung nghiên cứu tìm cơ hội gia nhập vào các chuỗi cung ứng mới để đầu tư phát triển;
- Hoàn thiện số hóa toàn bộ dữ liệu quản trị trong Tổng Công ty;
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân lao động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

- CHIẾN LƯỢC-

Giữ vững và phát triển 02 chuỗi cung ứng Chỉ may Coats và Sản phẩm Gia Dụng (khăn bông và các sản phẩm tương tự).

-VỚI COATS-

- Tiếp tục phân bổ nguồn lực hợp lý cho ngành Sợi Chỉ May;
- Tích cực chủ động cùng đối tác Coats cải tiến và phát triển thêm mặt hàng mới; Đa dạng các chủng loại sợi mộc có giá trị cao cung cấp cho Coats;
- Giữ vững vị thế là đơn vị duy nhất tại Việt Nam cung ứng sản phẩm sợi chỉ may cho Coats Việt Nam. Phấn đấu mở rộng thị trường cung ứng sợi chỉ may cho Coats khu vực và toàn cầu.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

PHƯƠNG HƯỚNG ĐIỀU HÀNH

Về thị trường

- Tập trung khai thác thị trường mục tiêu sẵn có, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược xuyên suốt. Tăng cường phát triển các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những quốc gia tham gia các Hiệp định thương mại với Việt Nam.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng hệ thống, chuỗi hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng.

Về tài chính

- Năng động, linh hoạt trong việc tìm kiếm, sử dụng những nguồn vốn vay và các chương trình thanh toán trả chậm liên kết với Ngân hàng có lãi suất ưu đãi cạnh tranh. Cân đối vay ngoại tệ phù hợp để tiết giảm chi phí lãi vay. Bên cạnh đó, tùy theo tình hình thực tế sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư khi thị trường phát triển mạnh.
- Hoàn thiện chương trình số hóa dữ liệu tập trung của hệ thống quản lý, nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, dữ liệu về tài chính, kế toán để phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản trị, điều hành của Lãnh đạo Tổng Công ty.
- Cơ cấu lại danh mục đầu tư, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bằng nhiều biện pháp như đầu tư theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Nâng cấp hệ thống kiểm soát chi phí nhằm kiểm soát tốt nhất toàn bộ chi phí hoạt động phát sinh. Ngoài ra, Tổng Công ty còn chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.



Về quản trị sản xuất

- Các đơn vị, nhóm kỹ thuật chuyên gia thường xuyên chủ động tiếp cận kết nối thông tin với khách hàng nhằm phát triển mặt hàng mới, phối hợp thực hiện gia công kéo dài thêm công đoạn sản xuất chỉ may thành phẩm như nhuộm màu, xử lý hoàn tất, ...
- Tăng cường kiểm soát các định mức: năng suất, chất lượng, lao động, tiêu hao nguyên - nhiên - vật - phụ liệu, các chi phí phát sinh khác, đầu vào, đầu ra, ...
- Không ngừng nghiên cứu cải tiến phương pháp sản xuất, áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới như: công nghệ tách lớp hồ các loại Sợi đặc biệt (Tencel, PVA, Bamboo, Modal); Phân tích Sợi nền. Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt bằng các giải pháp đồng bộ, khoa học nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế về khả năng cạnh tranh và ổn định chất lượng.



Về quản trị hệ thống thông tin

- Áp dụng đồng bộ số hóa dữ liệu quản lý vào quản trị toàn Tổng Công ty. Hoàn thiện hệ thống thông tin bằng việc đầu tư thay thế trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến có giá trị bảo mật cao.
- Sử dụng các phần mềm quản trị tiên tiến, rút ngắn thời gian, báo cáo kịp thời cho các cơ quan hữu quan và công tác công bố thông tin.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2021 là 5,9%, giảm so với mức 6% đưa ra trước đó. Ngoài ra, IMF cũng cho biết những đứt gãy trong các chuỗi cung ứng và sức ép giá đang kiềm chế đà phục hồi của nền kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19.

Tại Việt Nam, đợt giãn cách xã hội do làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã gây ra những tác động sâu, rộng, và toàn diện đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế. Theo đó, tăng trưởng GDP năm 2021 đạt 2,58% - ở mức thấp nhất lịch sử thống kê. Dù vậy, với việc tốc độ tiêm chủng vaccine được đẩy nhanh tại các thành phố lớn, dịch bệnh dần được kiểm soát vào thời điểm cuối quý III, các quy định giãn cách xã hội được nới lỏng, đã giúp nền kinh tế bắt đầu phục hồi trong quý IV/2021.

Động lực tăng trưởng trong năm 2022 sẽ đến từ việc Chính phủ đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, tiêu dùng nội địa và hoạt động sản xuất chế biến chế tạo hồi phục, xuất khẩu tiếp tục được hưởng lợi nhờ lộ trình tham gia các hiệp định FTAs, và sự quay lại của dòng vốn FDI (dù chưa thể khôi phục lại hoàn toàn như mức trước đại dịch do tác động kéo dài của các đợt giãn cách xã hội trong quý 3/2021). Bên cạnh đó, gói hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội thực hiện trong 2022-2023 quy

mô 350.000 tỷ đồng được Chính phủ trình Quốc hội trong kỳ họp bất thường lần 1 Quốc hội khóa XV đã được thông qua sẽ là “bước đệm” phục hồi trong giai đoạn tới.

Dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, đặc biệt trong quý III, nhưng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam đã vượt lên khó khăn, duy trì đà tăng trưởng tốt. Theo ước tính của Bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan, giá trị xuất khẩu toàn ngành cả năm ước đạt 40,9 tỷ USD tăng 16,8% so với năm 2020, và tăng 3,4% so với năm 2019.

Hoạt động kinh doanh chính của PPH là sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may nên những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách vĩ mô của Chính phủ đều có tác động không nhỏ tới hoạt động của Tổng Công ty. Vì tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Tổng Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định.

Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Tổng Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của PPH.

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành dệt may Việt Nam đi qua nhiều khó khăn, áp lực trong năm 2021 khi chi phí nguyên liệu lạm phát, giá cước vận chuyển tăng và tình trạng thiếu lao động sau thời gian giãn cách xã hội. Trong khi Việt Nam giảm tốc, các đối thủ cạnh tranh lại tăng trưởng tốt hơn như Trung Quốc (tăng 12% so với cùng kỳ), Ấn Độ (tăng 52% so với cùng kỳ) và Bangladesh (tăng 13% so với cùng kỳ).

Tín hiệu tích cực là các thị trường lớn như Mỹ, EU... đã mở cửa trở lại, đặc biệt là Việt Nam đã có chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 128/NQ-CP. Thêm vào đó, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đang phát huy hiệu quả, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ có thêm cơ hội mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, trong xu hướng sự dịch chuyển các đơn hàng rời khỏi Trung Quốc, Việt Nam trở thành nước được hưởng lợi.

Đây là rủi ro được lãnh đạo Tổng Công ty cảnh báo thường xuyên, theo đó, đặc biệt lưu ý các doanh nghiệp cùng ngành sản xuất có giá thành sản phẩm thấp hơn do cơ sở chi phí cơ bản rẻ hơn hoặc sản phẩm tốt hơn dẫn đến nguy cơ Tổng Công ty bị mất thị phần, khách hàng.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Dự thảo Chiến lược phát triển ngành dệt may giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2035 phải định hướng thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên, phụ liệu ngành dệt may đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa; đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu.

Để hướng tới phát triển bền vững, đồng thời nhằm đáp ứng yêu cầu của các thị trường lớn trên thế giới, giải pháp về khoa học - công nghệ nhằm xanh hóa ngành



dệt may đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển. Ngành dệt may đang thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, ưu tiên các dự án đầu tư công nghệ dệt nhuộm tiên tiến, không gây tác động xấu đến môi trường, kết nối với các doanh nghiệp may mặc trong nước, hình thành chuỗi liên kết trên toàn chuỗi giá trị... Lãnh đạo PPH rất thận trọng khi đưa ra các quyết định mang tính chủ trương, chiến lược phát triển theo định hướng chung của toàn ngành nhằm đảm bảo sự phát triển của Tổng Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

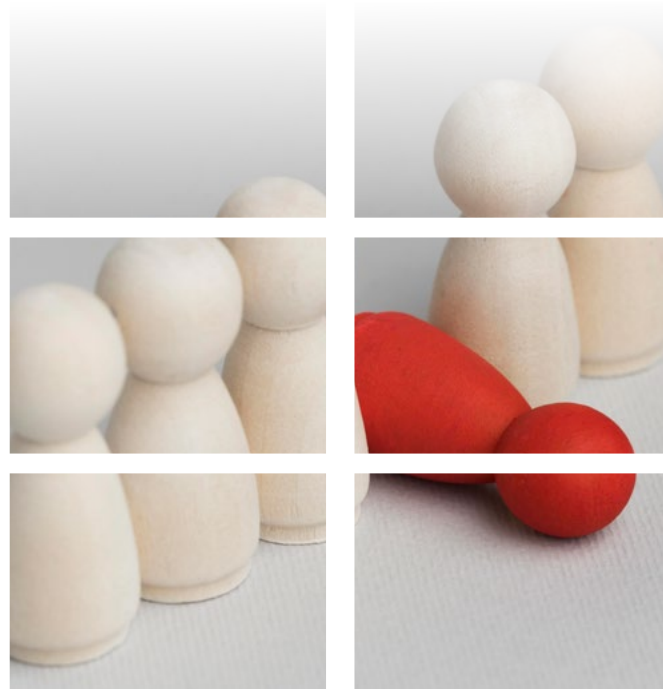
CÁC RỦI RO

RỦI RO CHẤT LƯỢNG VÀ THƯƠNG HIỆU

Chất lượng sản phẩm thời trang của dệt may Việt Nam được các nhà nhập khẩu đánh giá có nhiều tiến bộ về kỹ thuật đường nét, giá cả phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của phân khúc người tiêu dùng ở các thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, đa phần sản phẩm mới tập trung vào nhóm khách hàng trung lưu và nhóm khách hàng có thu nhập thấp. Để từng bước tiếp cận được phân khúc khách hàng thượng lưu trên thị trường, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải cải thiện chất lượng sản phẩm một cách rõ rệt, có như vậy mới đứng vững trên thị trường trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng trên khu vực và thế giới.

Thương hiệu là một lợi thế cạnh tranh của PPH, do đó, Tổng Công ty rất quan tâm đến việc giữ vững và phát triển thương hiệu.



RỦI RO ĐỔI MỚI

Cách mạng công nghiệp 4.0 cho phép sản xuất của ngành dệt may thế giới bước lên đỉnh cao mới với việc áp dụng tự động hoá, robot, thiết kế 3D và sử dụng các dữ liệu lớn. Điều này đã thúc đẩy năng suất tăng theo cấp số nhân, cá nhân hoá sản phẩm, giảm lao động, giảm tiêu hao nguyên liệu và đặc biệt là làm thay đổi yếu tố cạnh tranh. Trong khi đó, dệt may Việt Nam dù có vị trí cao trong bản đồ xuất khẩu dệt may thế giới nhưng trình độ công nghệ sản xuất được đánh giá không cao, cạnh tranh vẫn chủ yếu bằng giá nhân công. Vì vậy, ngành dệt may cần tích cực áp dụng các

công nghệ mới vào hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, nâng cao hiệu suất và chất lượng cũng như đẩy mạnh giá trị cạnh tranh.

Đổi mới là cần thiết trong môi trường kinh doanh nhưng việc áp dụng các sáng kiến, cải tiến hoặc kết quả nghiên cứu... cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, do đó bên cạnh việc khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng xuất lao động, Tổng Công ty luôn xem xét kỹ, cẩn trọng trước khi áp dụng sáng kiến cải tiến trong vận hành sản xuất kinh doanh.



RỦI RO TÍN DỤNG, LÃI SUẤT

Lãi suất cho doanh nghiệp dệt may hiện nay vẫn còn ở mức khá cao, khoảng 12 - 13%/năm được xem là trở ngại lớn đối doanh nghiệp cần vốn. Lãi suất cao có thể làm tăng chi phí vốn, ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ngành Dệt may đã kiến nghị Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu ngay một số gói chính sách tín dụng, miễn giảm lãi suất cho vay, khoan nợ, giãn nợ, nới lỏng các điều khoản trả nợ, giảm lãi suất vay, cơ cấu khoản vay, điều chỉnh kỳ hạn để hỗ trợ các doanh nghiệp trong ngành này vượt qua giai đoạn khó khăn.

Do đó, PPH luôn chủ động liên tục cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất và tỷ giá để có những quyết định phù hợp đối với nguồn vốn vay của Tổng Công ty.

RỦI RO TỶ GIÁ

Các sản phẩm của PPH được xuất khẩu tới nhiều thị trường tại nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Nhật bản, Hàn Quốc,... nên hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế. Năm vừa qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh và những bất ổn về tình hình kinh tế - chính trị thế giới, hoạt động kinh doanh luôn phải đối diện với những biến động không lường như giá cả tăng giảm bất thường, tỷ giá hối đoái có xu hướng giảm làm ảnh hưởng đến hiệu quả các lô hàng xuất khẩu.

Rủi ro biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến giá trị của các giao dịch kinh doanh và tài sản của PPH, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận trong quá trình hoạt động.

Nhằm hạn chế rủi ro do biến động tỷ giá gây ra, Tổng Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể, phân tích biến động giá để kiểm soát rủi ro ở mức thấp nhất.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Tại Việt Nam, ngành dệt may vẫn chưa chủ động tạo được nguồn nguyên phụ liệu đạt chất lượng cao trong nước phù hợp yêu cầu sản xuất hàng xuất khẩu mà phụ thuộc lớn vào nhập khẩu (khoảng 60-70%), chủ yếu nhập khẩu nguyên phụ liệu từ thị trường Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc. Ngành dệt may Việt Nam hiện nay đang phải nhập khẩu 90% bông nguyên liệu, 100% nhu cầu xơ sợi tổng hợp, 50% nhu cầu sợi bông và 80% vải khổ rộng. Các công ty trong ngành chủ yếu tham gia vào công đoạn gia công trong chuỗi giá trị và rất nhạy cảm với biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi sản xuất.

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may, nguyên vật liệu chính của Tổng Công ty trong sản xuất sợi chỉ may và khăn bông là Sợi filament, bông, Xơ Polyester, nên biến động về giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty. Giá sợi toàn cầu đã đạt đỉnh vào quý III/2021 khi giá sợi polyester và bông tăng khoảng 30% -50% so với cùng kỳ, do giá bông và dầu tăng vọt.

Do đó, Ban Lãnh đạo PPH luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho rủi ro về giá nguyên vật liệu để tránh doanh nghiệp không đạt được mục tiêu kinh doanh.

RỦI RO KHÁC

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm giảm khả năng sản xuất và dịch vụ. Để hạn chế rủi ro do những tác động không thể dự báo trước, doanh nghiệp đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Tổng Công ty phục hồi sau thiệt hại.



2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Chính sách với người lao động

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% Thực hiện 2021/ Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	2.464,7	2.220,0	2.072,7	93,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	285,6	300,0	381,7	127,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	283,4	298,0	380,2	127,6%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 (TỔNG CÔNG TY MẸ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% Thực hiện 2021/ Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	1.906,8	1.260,0	1.376,6	109,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	205,8	250,0	261,6	104,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	205,4	250,0	261,6	104,6%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	18%	15% - 18%	20%	111,1%

Trong nửa đầu năm 2021, năng lực sản xuất ngành dệt may Việt Nam nói chung và Tổng Công ty CP Phong Phú nói riêng được ổn định nhờ dịch bệnh giai đoạn này được kiểm soát tốt, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp được duy trì và nguồn cung nguyên phụ liệu ổn định. Do đó, trong 6 tháng đầu năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt được hiệu quả tốt hơn so với cùng kỳ 2020. Sang đến quý 3/2021, dịch bệnh bùng phát mạnh tại các địa phương phía Nam (chiếm 60% năng lực sản xuất của ngành) gián cách xã hội trong giai đoạn này đã gây gián đoạn sản xuất cho các doanh nghiệp ngành dệt may. Trong đó, các doanh nghiệp cắt may chịu tác động nặng nề nhất, do những doanh nghiệp này sử dụng nhiều lao động trong sản xuất, bên cạnh đó còn phải chịu thêm các chi phí xét nghiệm, quản lý. Đến quý 4/2021, sản xuất của ngành đã có sự hồi phục và tăng trưởng tốt, nhờ chính sách chống dịch mới đã tạo điều kiện cho các

doanh nghiệp nói chung và PPH nói riêng nối lại sản xuất nhanh chóng.

Đại dịch Covid-19 là một cuộc khủng hoảng chưa có tiền lệ trong suốt thời kỳ hình thành và phát triển tới nay của Phong Phú. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2021 có lúc tưởng chừng hoàn toàn đình trệ, lao động chỉ huy động được hơn 50% vì qui định cách ly phong tỏa của từng địa phương; chi phí sản xuất, chi phí lao động (đặc biệt là chi phí duy trì lao động "3 tại chỗ"), chi phí vận chuyển, lưu kho, ... tăng rất cao ngoài kế hoạch ước tính; giao thông bị trở ngại vì các qui định phòng dịch, khan hiếm container, phương tiện vận chuyển, ... tiến độ giao hàng bị trễ từ 7 ngày đến 10 ngày do không book được cont và tàu khiến thị trường xuất khẩu giảm mạnh, tổng đơn hàng bị giảm khoảng 42% so với năm 2020. Trước những khó khăn đó, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2021 là rất đáng khích lệ.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH (tính đến 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	(Ông) Dương Khuê	Tổng Giám đốc	166.494	0,22%
2	(Ông) Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	70.000	0,09%
3	(Ông) Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	62.507	0,08%
4	(Ông) Đoàn Kiên	Giám đốc điều hành	-	-
5	(Bà) Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc tài chính/Kế toán Trưởng	89.665	0,12%

DANH SÁCH THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021

Ngày 01/04/2021: HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú bổ nhiệm ông Đoàn Kiên - giữ chức vụ Giám đốc Điều hành.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



Ông DƯƠNG KHUÊ
Ủy viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Ông Khuê là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong ngành dệt may. Với trình độ chuyên môn là Kỹ sư Công nghệ sợi, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc tại nhiều Tổng Công ty Dệt May từ năm 2006 đến nay. Ông Khuê là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Hiện nay, Ông Khuê là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông NGUYỄN VĂN NHIỆM
Giám đốc điều hành

Ông Nhiệm tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, CĐ Cơ khí. Ông làm việc tại Phong Phú từ 1989 đến nay và có nhiều đóng góp vào sự thành công của Phong Phú. Hiện nay, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt Gia dụng Phong Phú kiêm Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú.



Ông LÝ ANH TÀI
Giám đốc điều hành

Ông Tài được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2014 đến nay. Ông tốt nghiệp bằng Thạc Sĩ QTKD, Kỹ Sư Cơ Khí Chế tạo máy. Ông Tài có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và cũng đã gắn bó với Phong Phú từ năm 1996 đến nay.



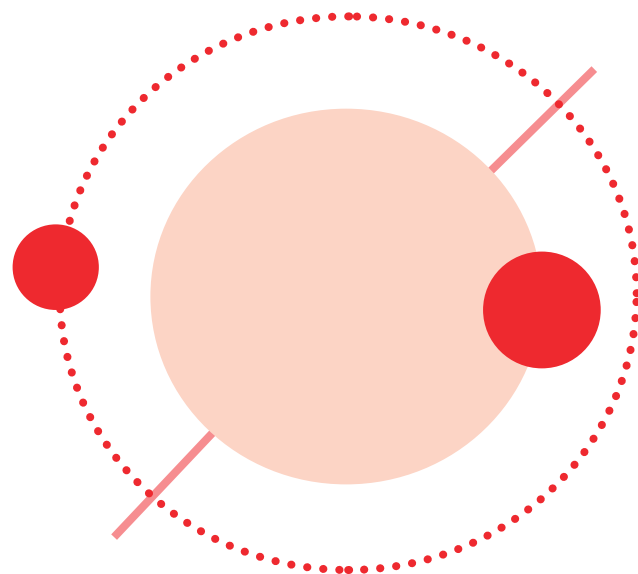
Ông ĐOÀN KIÊN
Giám đốc điều hành

Ông Kiên được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Tổng Công ty CP Phong Phú từ tháng 04/2021. Ông có bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh (EM-BA), Kỹ sư Dệt. Ông Kiên có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong ngành Dệt may.



Bà TRƯƠNG THỊ NGỌC PHƯỢNG
Giám đốc Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Bà Phượng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính kế toán. Bà đã làm việc tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1996 đến nay. Với trình độ chuyên môn là Thạc Sĩ QTKD Thực Nghiệm (EMBA), Cử Nhân Kinh Tế-Tài Chính, hiện nay bà đang giữ chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Phong Phú.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	437	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	48	10,98%
2	Trình độ cao đẳng	27	6,18%
3	Trình độ trung cấp	52	11,90%
4	Công nhân kỹ thuật	30	6,86%
5	Lao động phổ thông	280	64,07%
B	Theo đối tượng lao động	437	100,00%
1	Lao động trực tiếp	236	54,00%
2	Lao động gián tiếp	201	46,00%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	437	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	325	74,37%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	102	23,34%
D	Theo cấp quản lý	437	100,00%
1	Quản lý cấp cao	6	1,37%
2	Quản lý cấp trung	20	4,58%
3	Quản lý cấp chi nhánh	361	82,61%
4	Chuyên viên, nhân viên	50	11,44%
E	Theo độ tuổi	437	100,00%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	49	11,21%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	119	27,23%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	145	33,18%
4	Trên 45 tuổi	124	28,38%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	519	437
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.610.000	9.740.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Vấn đề tuyển dụng được PPH triển khai theo nguyên tắc công bằng - minh bạch, mọi thông tin đăng tuyển đều được đăng tải công khai trên website chính thức của Tổng Công ty (phongphucorp.com). Tùy thuộc vào từng vị trí tuyển dụng đặc thù, Tổng Công ty có những quy định cụ thể liên quan đến trình độ học vấn, kinh nghiệm cũng như những kỹ năng, phẩm chất khác nhau. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đăng tải công khai các thông tin liên quan đến mô tả công việc, cũng như những quyền lợi mà ứng viên có được nhằm tìm kiếm những ứng cử viên phù hợp, gắn bó lâu dài với Tổng Công ty.

Về đào tạo

Nhận thức được vai trò quan trọng của người lao động trong tiến trình phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may - ngành nghề đòi hỏi mức thâm dụng lao động lớn, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đặt công tác đào tạo lên hàng đầu. Theo đó, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý cũng như tay nghề của người lao động. Hướng dẫn người lao động sử dụng, vận hành các loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất của Tổng Công ty.

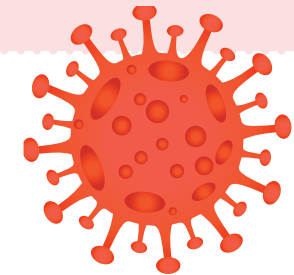


Về môi trường làm việc

- Đề ra những mục tiêu rõ ràng về th ời gian và điều kiện làm việc, đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho ngư ời lao động. Đảm bảo tốt việc chi trả lương, nâng lương cho ngư ời lao động; tổ chức các bữa ăn nhẹ trong ca làm việc, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.
- Tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ... cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động được thực hiện đầy đủ và minh bạch.
- Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện nhưng không kém phần chuyên nghiệp. Ngoài giờ làm việc, Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình hoạt động thể dục thể thao nhằm giải tỏa căng thẳng cho người lao động, hướng tới những giờ làm việc hiệu quả và năng suất hơn.
- Đặc biệt, trước tình hình dịch bệnh diễn biến căng thẳng trong năm 2021, Tổng Công ty chủ động bố trí, sắp xếp nơi ăn, chốn ở cho người lao động tại Tổng Công ty; thực hiện tốt phương án 3 tại chỗ; nghiêm túc chấp hành các quy định giãn cách của Chính phủ.

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Người lao động được ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Pháp luật. Định kỳ hàng tháng, người lao động được nhận tiền lương theo tiêu chuẩn chấm công của Tổng Công ty, phù hợp với kết quả lao động đạt được. Chính sách thưởng của Tổng Công ty bao gồm: thưởng định kỳ (quý, năm) và thưởng đột xuất. Chính sách thưởng định kỳ được thực hiện vào cuối chu kỳ tài chính, mức thưởng phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty và kết quả đóng góp của người lao động nhưng không ít hơn 01 tháng lương. Chính sách thưởng đột xuất được thực hiện kịp thời nhằm tôn vinh những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật nổi bật, góp phần vào sự phát triển chung của Tổng Công ty. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ lao động và khám sức khỏe cho người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại. Đặc biệt, trong năm 2021, trước diễn biến dịch bệnh phức tạp, Tổng Công ty CP Phong Phú đã tổ chức thăm hỏi và tặng 250 phần quà gồm nhu yếu phẩm thiết yếu cho công nhân lao động gặp khó khăn, người lao động đang ở trọ và có con nhỏ... với tổng giá trị quà tặng gần 200.000.000 đồng (hai trăm triệu).



COVID-19
CORONAVIRUS

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Năm 2021, công ty đã hoàn tất dự án đầu tư thay mới 16.000 cọc sợi có linkconer thiết bị đồng bộ tự động hóa cao, với tổng mức đầu tư 102 tỷ, dự án góp phần tiết giảm chi phí sản xuất 2.500đ/1kg sợi cotton 20/1 CD.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Chỉ tiêu			
		Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ suất lợi nhuận/vốn
1	Công Ty CP Dệt Gia Dụng Phong Phú	958,90	22,03	20,54	12,8%
2	Công ty CP May Đà Lạt	48,35	0,36	0,36	3,4%
3	Công ty CP PT Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	97,66	-47,54	-48,84	-14,9%
4	Công ty CP Dệt Đông Nam	301,34	7,09	5,14	8,5%
5	Công ty TNHH Coats Phong Phú	4.529,17	1.545,54	1.235,33	387,3%
6	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	0,00	-4,06	-4,06	-20,3%
7	Công ty CP Dệt May Nha Trang	640,18	2,28	2,08	1,1%
8	Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	18,00	0,08	0,07	0,1%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.780,2	3.728,3	-1,4%
Doanh thu thuần	2.099,1	1.652,1	-21,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	297,1	412,5	+38,9%
Lợi nhuận khác	(11,5)	(30,9)	+169,2%
Lợi nhuận trước thuế	285,6	381,7	+33,6%
Lợi nhuận sau thuế	283,4	380,2	+34,1%
Thuế và các khoản phải nộp/ Lợi nhuận sau thuế	45,1%	12,7%	-71,9%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu – Tại công ty mẹ	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.097,7	3.000,1	-3,2%
Doanh thu thuần	1.582,0	1.056,5	-33,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	217,0	292,3	+34,7%
Lợi nhuận khác	(11,2)	(30,7)	+173,3%
Lợi nhuận trước thuế	205,8	261,6	+27,1%
Lợi nhuận sau thuế	205,4	261,6	+27,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	65,4%	57,1%	-12,7%
Thuế và các khoản phải nộp/ Lợi nhuận sau thuế	54,9%	16,9%	-69,2%



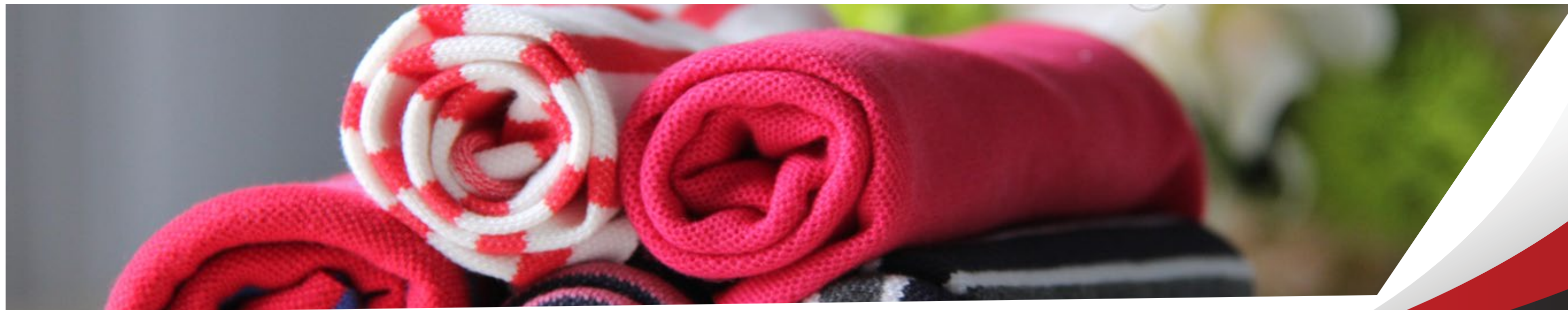
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu – Hợp nhất	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,40	1,55
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,92	1,01
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,57	0,50
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	1,32	1,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,43	2,59
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,50	0,44
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	13,5%	23,0%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	17,4%	20,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	7,5%	10,2%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,2%	25,0%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu – Tại Công ty mẹ	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,57	1,87
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,36	1,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,53	0,48
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	1,11	0,91
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,92	4,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,46	0,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	13,0%	24,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	14,0%	16,7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	6,6%	8,7%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,7%	27,7%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

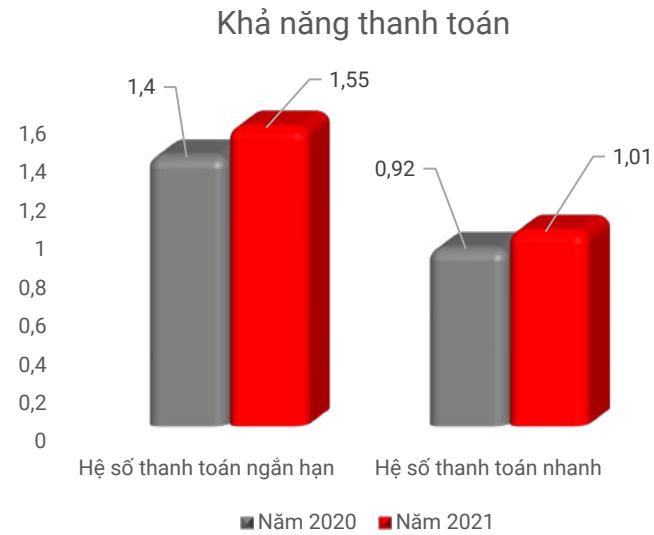


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Tổng Công ty đều tăng trong năm 2021. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,15 lần lên mức 1,55 lần năm 2021. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ mức 0,92 lần năm 2020 lên mức 1,01 lần năm 2021.

Nguyên nhân của sự thay đổi này xuất phát từ khoản mục nợ ngắn hạn giảm từ 1.120,2 tỷ xuống còn 953,1 tỷ đồng. Trong đó, đáng chú ý nhất là vay và nợ thuê tài chính giảm 259,4 tỷ đồng. Trong năm, các khoản vay ngắn hạn của các Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và bảo lãnh phát hành đã được Tổng Công ty đã tất toán một phần. Ngoài ra, tài sản ngắn hạn và hàng tồn kho đã biến động giảm nhẹ so với cuối năm 2020.

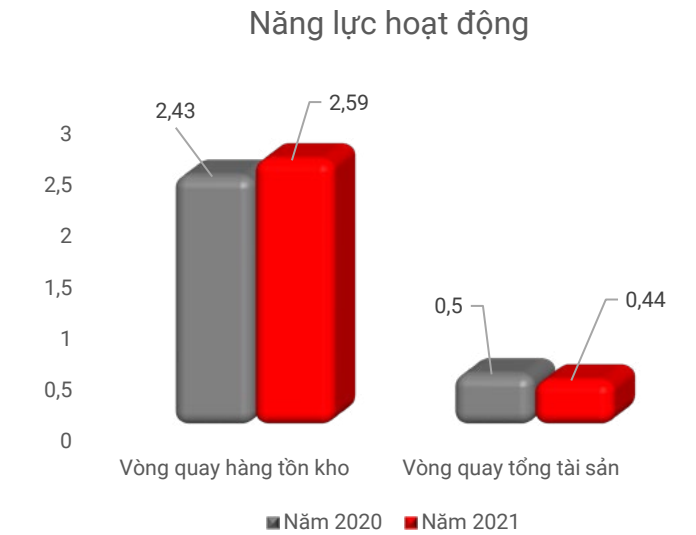
Hai chỉ số trên thể hiện khả năng thanh toán của Công ty ổn định nhờ hoạt động kinh doanh hiệu quả, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được củng cố qua hằng năm, đảm bảo khả năng trả các món nợ khi tới hạn.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

PPH là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành dệt may với sản phẩm chủ lực là sợi chỉ may và khăn bông các loại, bởi vậy hàng tồn kho của Tổng Công ty là rất lớn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục. Thời điểm cuối năm 2021, hàng tồn kho của Tổng Công ty đạt mức hơn 516,1 tỷ đồng, tương ứng mức giảm nhẹ hơn 4% so với cùng kỳ. Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 là 2,59 vòng.

Khi tình hình dịch Covid-19 đang dần được kiểm soát, hoạt động kinh doanh thuận lợi hơn sẽ giúp vòng quay hàng tồn kho của Tổng Công ty tăng trong tương lai. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2021 của PPH đạt 0,44 vòng. Nguyên nhân là do doanh thu của Tổng Công ty giảm mạnh hơn 446,9 tỷ đồng, từ 2.099,1 tỷ đồng năm 2020 xuống mức 1.652,1 tỷ đồng năm 2021.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hai chỉ số về cơ cấu vốn có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2020, được đánh giá là tỷ lệ an toàn đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Ngoài việc tổng nợ của Tổng Công ty đã giảm hơn 269,9 tỷ đồng thì vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 đã tăng hơn 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Điều này làm giảm hệ số nợ/tổng tài sản từ 0,57 lần năm 2020 xuống 0,5 lần năm 2021. Bên cạnh đó tổng tài sản giảm nhẹ so với cuối năm 2020 khi đạt mức 3.728,3 tỷ đồng và Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 1,02 lần trong năm 2021.

Nhìn chung, Công ty đã sử dụng nợ một cách thận trọng và hợp lý giúp duy trì được các chỉ tiêu về cơ cấu vốn ở mức ổn định, đảm bảo cho tình hình tài chính lành mạnh, duy trì mức rủi ro thấp, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.

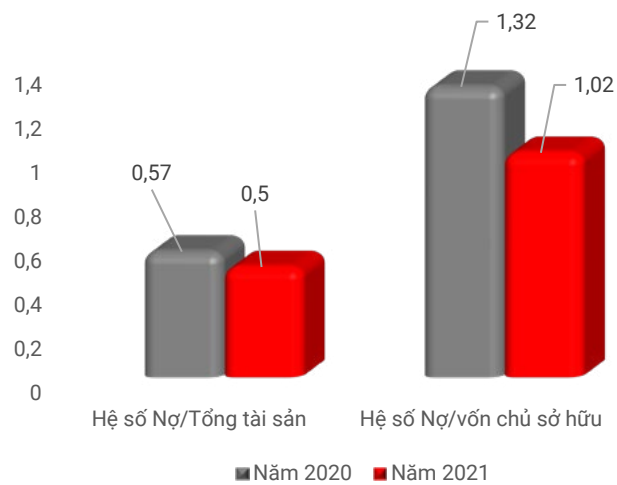


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

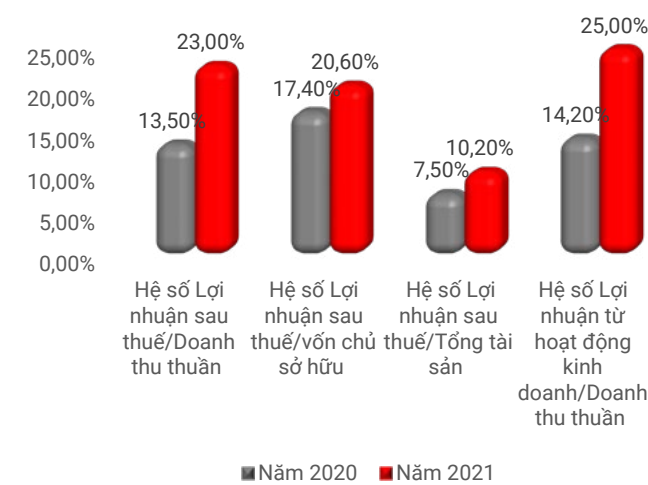
Điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PPH trong năm 2021 là ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 381,6 tỷ đồng, tương ứng mức tăng mạnh 33,63% so với năm 2020. Toàn bộ các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty đều gia tăng rõ rệt so với năm 2020, nhờ vào việc cắt giảm các chi phí, đặc biệt là ghi nhận giảm từ giá vốn hàng bán và chi phí tài chính. Kết thúc năm 2021, các chỉ số ROS, ROE, ROA của PPH lần lượt đạt 23,0%, 20,6%, 10,2% và đều tăng so với năm trước.

Ngoài ra, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần của Tổng Công ty cũng tăng từ 14,2% lên 25%. Điều đó cho thấy PPH đã có một năm tuy gặp nhiều khó khăn trong mở rộng doanh thu nhưng vẫn đạt được khả năng sinh lời ấn tượng, góp phần gia tăng uy tín doanh nghiệp.

Cơ cấu vốn



Khả năng sinh lời

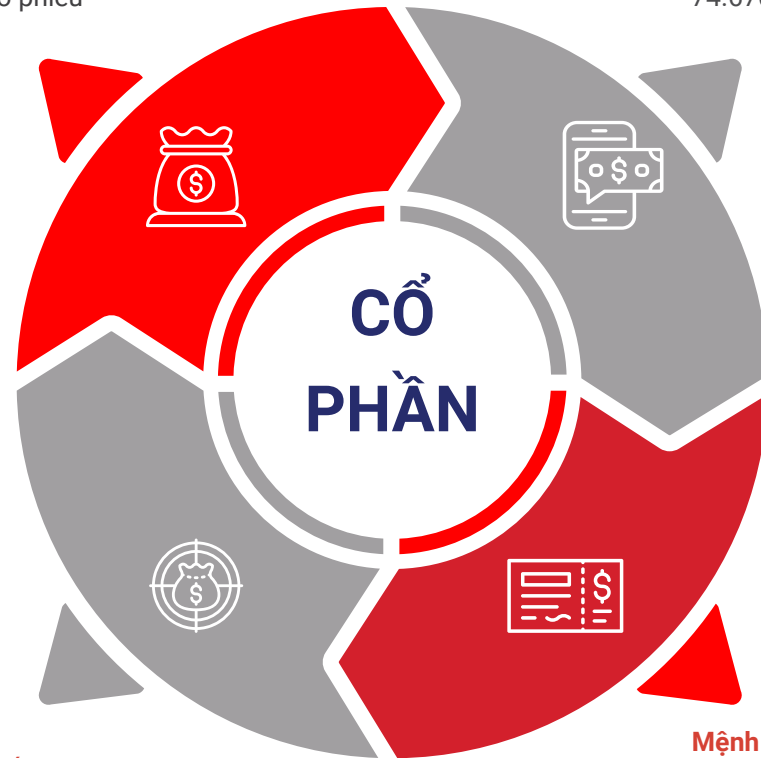


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành
74.670.891 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
74.670.891 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ
0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần
10.000 đồng/ cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	2.134	74.636.641	746.366.410.000	99,95%
1	Cá nhân	2116	19.084.309	190.843.090.000	25,56%
2	Tổ chức	18	55.552.332	555.523.320.000	74,40%
II	Cổ đông nước ngoài	9	34.250	342.500.000	0,05%
1	Cá nhân	8	33.450	334.500.000	0,04%
2	Tổ chức	1	800	8.000.000	0,00%
Tổng cộng (I+II)		2.143	74.670.891	746.708.910.000	100,00%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 49%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong năm 2021, tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng như sau:

Stt	Hạng mục	ĐVT	Tổng số lượng	Số lượng tái sử dụng sử dụng	Số lượng vật liệu tái chế	% Tái sử dụng (tái chế)
I	Vật liệu		12.293.879	58.040	-	0,5%
1	Bao PP	Cái	4.800			0,0%
2	Thùng carton	Cái	46.935			0,0%
3	Tấm lót thùng	Cái	46.932			0,0%
4	Tấm lót 13 lớp KT 780 x 1092mm	Tấm	102.375	58.040		56,7%
5	Tem sợi	Cái	6.695.500			0,0%
6	Bao xốp	Kg	10.841			0,0%
7	Cone giấy	Cái	47.330			0,0%
8	Cone nhựa	Cái	15.000			0,0%
9	Đai nẹp thùng	Kg	3.430			0,0%
10	Dây nylon	Kg	10			0,0%
11	Lõi nhựa nhuộm sợi	Cái	5.320.200			0,0%
12	Màng PE 500 mm 16kg/cuộn	Cuộn	526			0,0%
II	Nguyên liệu		6.171.338	-	788.602	12,8%
1	Xơ Polyester	Kg	4.024.981		173.850	4,3%
2	Sợi filament	Kg	2.146.357		614.752	28,6%



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp là điện.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Thay đèn Led, sử dụng biến tần cho các hệ thống điều không, thay thế chiler công nghệ mới.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Thay đèn led;
- Sử dụng các invester (biến tần) cho các hệ thống điều không;
- Thay thế chiler điện công nghệ mới.

TIÊU THỤ NƯỚC

Do đặc thù của ngành nên PPH sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất sợi chỉ may và khăn bông các loại, Tổng Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

Nước ngầm và nước thủy cục do Công ty cấp nước Thủ Đức cung cấp.

Lượng nước sử dụng: Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 422.821 m³ (Trung bình là 1.489m³/ngày). Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Lượng nước tái chế sử dụng trong năm 2021 là 20.450 m³, tương ứng tỷ lệ 5%.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tổng Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra môi trường thường đến kiểm tra và kết luận Tổng Công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Tổng Công ty không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động đến thời điểm báo cáo: 437 người;
- Thu nhập bình quân là 9,74 triệu đồng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được trang bị đủ đồ bảo hộ lao động, môi trường làm việc an toàn đáp ứng đúng các quy định về an toàn vệ sinh lao động;
- Tổng Công ty chăm lo bữa ăn giữa ca cho người lao động đầy đủ dinh dưỡng, đối với lao động nặng nhọc độc hại có chính sách bồi dưỡng riêng;
- Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động. Có bố trí Trạm Y tế cơ quan tại Tổng Công ty CP Phong Phú để thường xuyên theo dõi chăm sóc sức khỏe cho người lao động;
- Trong đợt dịch Covid-19 diễn biến phức tạp (Tháng 07 - 08/2021), Tổng Công ty đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan Y tế địa phương tổ chức cho 100% người lao động được chích ngừa đủ ít nhất 02 mũi vaccin và hơn 90% người lao động được tiêm mũi 3 vaccin tăng cường.



Hoạt động đào tạo người lao động

Hoạt động đào tạo được Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt quan tâm, vì lực lượng lao động chính là nòng cốt và sức khỏe của một doanh nghiệp.

Tổng Công ty luôn chú trọng công tác thu hút nguồn nhân lực, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ cán bộ, chuyên viên theo hướng chuyên nghiệp hóa và lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo bố trí sử dụng và đãi ngộ. Trong đó, đề cao vai trò, năng lực cá nhân; xem xét chi trả lương thưởng căn cứ hiệu quả, tài năng của cá nhân.

Thay đổi phương thức tuyển dụng, thu hút lao động có tay nghề có kỹ năng, nhiệt huyết vào làm việc tại Tổng Công ty. Đào tạo tay nghề người lao động đa nhiệm hơn trong dây chuyền sản xuất.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý tinh gọn, năng động, hiệu quả đáp ứng nhu cầu quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.



Thực hiện tốt các chế độ chính sách của nhà nước, quy định của pháp luật đối với người lao động. Không ngừng nghiên cứu cách thức chi trả lương, thưởng hợp lý và công bằng cho người lao động theo cơ chế thị trường. Bảo đảm việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định và không ngừng cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Tổng Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động và đào tạo học việc cho nhân sự mới.

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động đào tạo có bị hạn chế một phần, nhưng vẫn được thực hiện gắn kết với hoạt động sản xuất thực tế tại chỗ như trau dồi bổ sung kỹ năng, kinh nghiệm, chuẩn chỉnh các thao tác kỹ thuật.... Tổ chức hoặc phối hợp với Tập đoàn Dệt May Việt Nam cử cán bộ tham gia học một số khóa học online cho đội ngũ quản lý cấp trung...

Thông qua việc cập nhật kỹ thuật công nghệ mới, đội ngũ kỹ sư và chuyên gia của Tổng Công ty đã phát triển được một số sản phẩm công nghệ mới như sợi Epic...



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc chăm lo sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, Phong Phú luôn tích cực và thường xuyên tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, trao học bổng tiếp sức đến trường; tham gia đóng góp, ủng hộ “Quý Vị người nghèo” tại địa phương; Quý tương thân tương ái, hỗ trợ xây cầu tại một số địa Phương như Đức Huệ- Long An... với kinh phí 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng); Trong thời gian đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, cao điểm nhất là tháng 7-8/2021, với mục tiêu chung tay cùng cộng đồng đẩy lùi dịch bệnh, Tổng Công ty CP Phong Phú đã tham gia hỗ trợ kinh phí mua vắc xin và đồ bảo hộ phòng chống dịch với tổng kinh phí là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).



Chúng ta sống thêm 1 ngày 1 nu



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh năm 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách - quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những khó khăn, thách thức trong năm 2021 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, bằng giải pháp đúng đắn và sự chủ động, quyết liệt, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành của ban lãnh đạo Tổng Công ty, cùng với sự sáng tạo, đoàn kết thống nhất trên dưới một lòng của toàn thể CBCNV Phong Phú là sức mạnh nội lực to lớn giúp Tổng Công ty vượt qua khó khăn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Công tác sản xuất kinh doanh

Ngay từ đầu năm 2021, lãnh đạo Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết quan trọng để làm cơ sở và tiền đề cho công tác quản lý, điều hành nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm 2021 do Tập đoàn Dệt May Việt Nam giao, cụ thể:

- Đánh giá những ưu điểm và những tồn tại trong công tác điều hành, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của năm 2021.
- Thông qua phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 cùng các giải pháp chủ yếu cần tập trung lãnh đạo, điều hành nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch của năm 2021.
- Thông qua chiến lược đầu tư phát triển đến năm 2022.
- Chỉ đạo thường xuyên, giải quyết hiệu quả, kịp thời các vấn đề phát sinh, đặc biệt là công tác phòng chống dịch bệnh với mục tiêu vừa đảm bảo phát triển ổn định trong

tình hình khó khăn, biến động, vừa an toàn sức khỏe cho người lao động.

- Chỉ đạo sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển. Thường xuyên cập nhật sự thay đổi về năng lực cung ứng với các khách hàng, dự phòng phương án giảm thiểu tổn thương các chuỗi cung ứng đang tham gia cũng như các đối tác trực tiếp, xem đây chính là khả năng đơn hàng và việc làm trong tương lai sau đại dịch Covid-19.
- Hoàn tất chương trình số hóa toàn bộ dữ liệu quản trị đến tầng thứ 3 tháp ERP, giúp nhiều công nhân được đóng góp trực tuyến hiệu quả;



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với kết quả sản xuất kinh doanh

Dịch Covid-19 đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề, gây muôn vàn khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp dệt may do có lực lượng lao động đông đảo, trong đó có Tổng Công ty CP Phong Phú. Phong Phú với các nền tảng truyền thống và sự đoàn kết, chia sẻ trên dưới một lòng cộng với sự may mắn đã cùng nhau vượt qua giai đoạn khó khăn này. Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong thời gian UBND Thành phố HCM áp dụng giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-CP, Phong Phú đã lập Phương án tổ chức hoạt động sản xuất 3 tại chỗ, huy động được gần 50% công nhân lao động vừa tham gia làm việc, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh vừa sinh hoạt nghỉ ngơi tại khu lưu trú đã chiến bố trí tại Tổng Công ty. Các chi phí sản xuất, chi phí hoạt động của doanh nghiệp cũng vì vậy mà tăng cao. Quý III/2021 được đánh giá là ảnh hưởng khó khăn nhất đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, trong thời gian dịch bệnh, các chi phí liên quan như chi phí vận chuyển, lưu kho, chi phí lao động, đặc biệt là lực lượng lao động 3 tại chỗ cũng tăng cao ngoài kế hoạch khoảng 13,4 tỷ đồng. Cũng trong thời gian này, do ảnh hưởng bởi các quy định hạn chế đi lại, giãn cách xã hội, tiến độ giao hàng không bảo đảm (thời gian bị trễ từ 7 ngày - 10 ngày do không book được cont và tàu) khiến đơn hàng của

doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng giảm mạnh gây thiệt hại đáng kể với tổng đơn hàng bị giảm là 42% (Số lượng: 16 cont/20').

Trước những khó khăn đó, Tổng Công ty đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực để bảo đảm không ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và không ảnh hưởng đến sức khỏe, thu nhập của người lao động. Tuy nhiên, do phải chấp hành quy định của UBND Thành phố, nhiều lao động vẫn không thể đến nhà máy làm việc do khu vực cư trú bị phong tỏa, bản thân người lao động bị nhiễm Covid-19 phải điều trị ... Do vậy, dù đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp để sắp xếp việc làm và ổn định cuộc sống cho người lao động, vẫn còn khá nhiều lao động bị ảnh hưởng do phải nghỉ tạm thời. Để hỗ trợ phần nào cho lực lượng lao động không thể tham gia làm việc, Tổng Công ty đang thực hiện hỗ trợ cho mỗi lao động bị ảnh hưởng là ½ mức lương tối thiểu vùng/tháng.

Đồng thời, doanh nghiệp cũng đã lập danh sách lao động bị ảnh hưởng gửi Phòng Lao động TB-XH TP Thủ Đức để nhận gói hỗ trợ theo Nghị quyết số: 68/2021/NQ-CP và Nghị quyết số: 09/2021/ NQ-HĐND về một số chế độ, chính sách đặc thù phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19, hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Đánh giá kết quả thực hiện phương án sản xuất "3 tại chỗ"

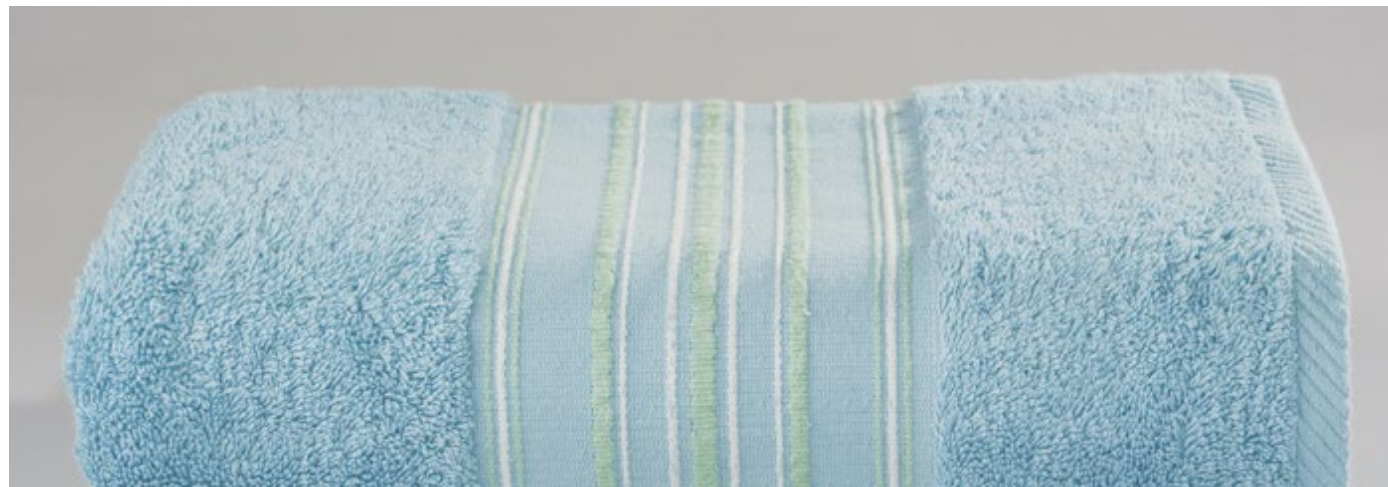
Phương án sản xuất "3 tại chỗ" là giải pháp chỉ đáp ứng phần nào việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp nhằm hạn chế tối đa việc bị đứt gãy sản xuất, bị đối tác phạt hợp đồng... Trong thời gian từ 15/7 đến hết 30/9, Phong Phú chỉ tổ chức sản xuất được 40% sản lượng đơn hàng nếu không cải tiến sắp xếp ca kíp.

Đa số doanh nghiệp dệt may rất đông lao động, việc tìm được mặt bằng trống để bố trí khu vực lưu trú đã chiến đủ điều kiện để người lao động nghỉ lại trong thời gian dài đảm bảo các yêu cầu tối thiểu như nơi ở, ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân, quản lý an toàn, ... là vô cùng khó khăn trong điều kiện tiềm lực của doanh nghiệp còn bị hạn hẹp.

Giải pháp "3 tại chỗ" chỉ đảm bảo thực hiện trong thời gian ngắn, nếu kéo dài tâm lý người lao động vẫn sẽ bị ức chế mặc dù họ đã được duy trì thu nhập ổn định trong đại dịch nhưng họ vẫn canh cánh nỗi lo cho gia đình, chăm lo con cái, ... nên tinh thần bị ảnh hưởng làm năng suất lao động cũng bị ảnh hưởng theo.

Chi phí phục vụ cho sản xuất 3 tại chỗ phát sinh rất cao (chi phí ăn uống, trang bị vật dụng, xét nghiệm, thuê nhà nghỉ, thuê nhà vệ sinh lưu động, phụ cấp công nhân làm 3 tại chỗ, lương tăng ca ...) bình quân là 11.000.000 đồng/người/tháng, chưa tính số tiền gần 5.000.000.000 đồng ủng hộ quỹ mua vacxin và hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid.

Các công ty liên doanh, liên kết của Phong Phú cũng chịu ảnh hưởng chung, việc sản xuất 3 tại chỗ cũng chỉ đáp ứng được 40% - 50% sản lượng do không đủ công nhân, trong khi đơn hàng vẫn có nhu cầu, chi phí sản xuất tăng, do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả và phân chia lợi nhuận năm 2021.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

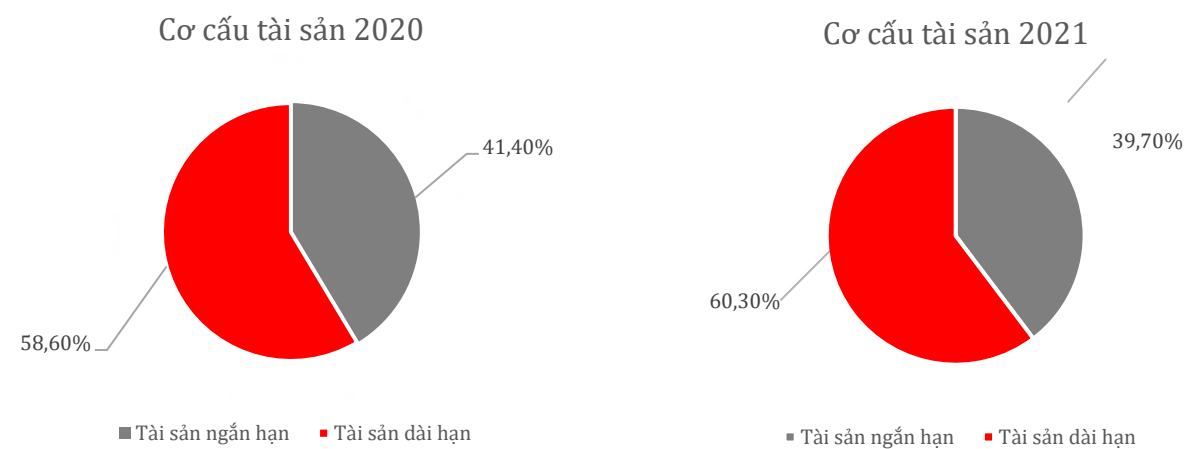
TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng 2020	31/12/ 2021	Tỷ trọng 2021	& Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	1.566,3	41,4%	1.479,9	39,7%	-5,5%
Tài sản dài hạn	2.213,9	58,6%	2.248,3	60,3%	+1,6%
Tổng tài sản	3.780,2	100,0%	3.728,2	100,0%	-1,4%

Thời điểm cuối năm 2021, tổng tài sản của PPH giảm nhẹ 1,4% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức 3.728,2 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn vào ngày 31/12/2021 là 1.479,9 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 5,5%. Tiền và các khoản tương đương tiền đã giảm hơn 32,73 tỷ đồng so với cuối năm 2020, xuống mức 66,15 tỷ đồng. Doanh nghiệp đã chủ động sử dụng nguồn vốn sẵn có cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tránh vay nợ và chịu áp lực lãi vay từ bên ngoài.

Ngoài ra tài sản dài hạn của Tổng Công ty đã tăng 1,6% lên 2.248,3 tỷ đồng. Tổng Công ty ghi nhận lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư tăng từ 139.89 tỷ đồng lên mức 246.75 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm. Điều này sẽ đem lại lợi nhuận cao cho Tổng Công ty và cổ đông trong tương lai.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ HỢP NHẤT

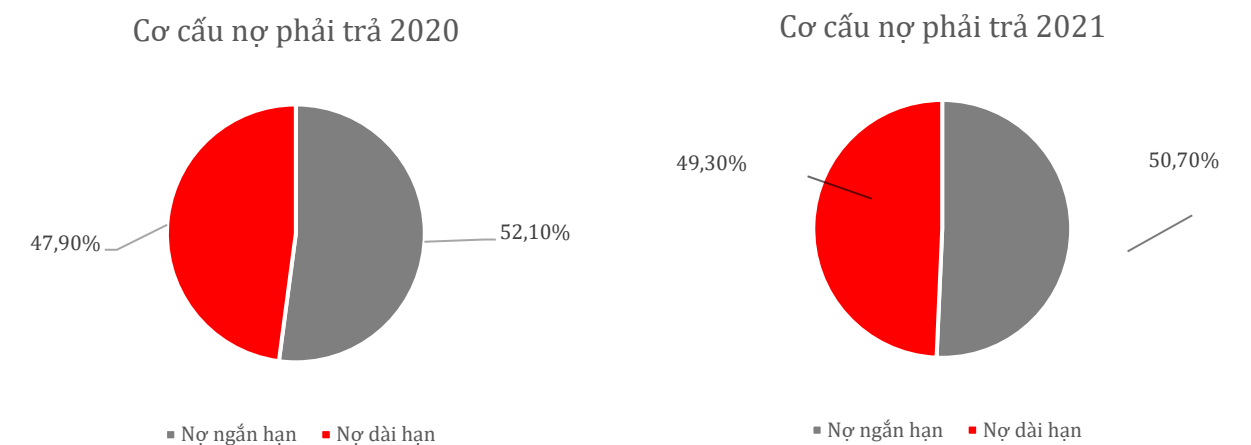
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	Tỷ trọng 2020	31/12/ 2021	Tỷ trọng 2021	& Thay đổi
Nợ ngắn hạn	1.120,2	52,1%	953,1	50,7%	-14,9%
Nợ dài hạn	1.029,4	47,9%	926,6	49,3%	-10,0%
Tổng nợ phải trả	2.149,6	100,0%	1.879,7	100,0%	-12,6%

Tổng nợ phải trả của PPH là 1.879,7 tỷ đồng vào ngày 31/12/2021, giảm mạnh 12,6% so với cuối năm 2020. Đây là thành quả đáng ghi nhận của Tổng Công ty khi đã kiểm soát tốt các khoản nợ trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn từ ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

Tổng Công ty đã giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn hơn 36,4% so với cuối năm 2020, xuống mức 451,5 tỷ đồng. Điều này sẽ giúp Tổng Công ty giảm bớt áp lực lãi vay trong ngắn hạn, tránh gặp phải rủi ro về tài chính.

Song song với đó PPH cũng đã giảm vay và nợ thuê tài chính dài hạn hơn 101,8 tỷ đồng, giúp nợ dài hạn giảm hơn 10% xuống mức 926,6 tỷ đồng vào cuối năm 2021.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, Tổng Công ty đã thực hiện rất nhiều biện pháp nhằm cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững:

- Rà soát lại quy trình làm việc, tăng cường sự liên kết giữa các phòng ban, để phối hợp thực hiện các hoạt động của Tổng Công ty.
- Cải tiến công nghệ giúp nâng cao hiệu suất công việc, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu,... đồng thời vận động nhân viên thực hành tiết kiệm điện năng trong quá trình làm việc.
- Tận dụng lợi thế về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong ngành của đội ngũ công nhân viên, đa dạng hóa nguồn doanh thu, nâng cao thu nhập cho người lao động và tối ưu hóa lợi ích của nhà đầu tư.
- Tiếp cận các nguồn vay tín dụng ưu đãi để bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện và hoàn thành các mục tiêu đầu tư phát triển đề ra.
- Nghiêm túc thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với môi trường và cộng đồng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

Về nguồn vốn

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

Về nguồn lực dự kiến

Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

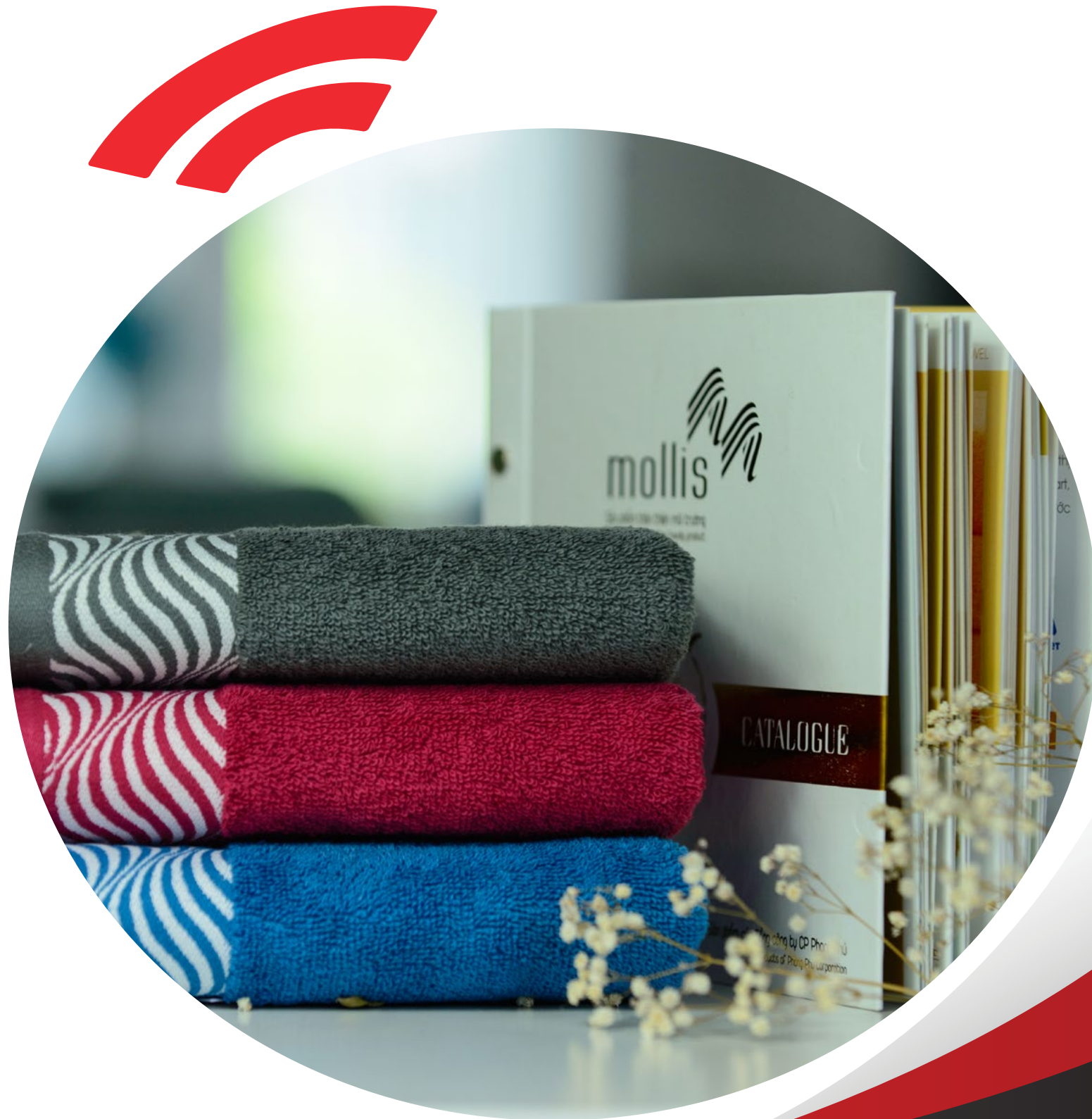
Về kinh doanh

Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

Về công nghệ

Về quản trị điều hành

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, PPH luôn ý thức được rằng hoạt động của Tổng Công ty phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Đây là yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Trong quá trình sản xuất Tổng Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và không ngừng đổi mới công nghệ, giảm thiểu các chất thải phát sinh, tạo ra những sản phẩm thân thiện với môi trường. Tổng Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống. Các hoạt động của Tổng Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng sản phẩm tốt nhất mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hướng tới hình ảnh của một doanh nghiệp thân thiện với môi trường, Tổng Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với Tổng Công ty, con người là nguồn nhân lực cốt lõi vận hành bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Chính vì vậy bằng mọi nỗ lực của mình, Tổng Công ty phải tạo ra được một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, không phân biệt đối xử, nơi mà mỗi cán bộ công nhân viên được phát huy hết năng lực, đổi mới và sáng tạo. Đồng thời, tạo ra cơ hội để cán bộ công nhân viên được thăng tiến một cách công bằng, đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi thỏa đáng.

Với Tổng Công ty, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là sự đầu tư dài hạn, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn tới những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp. Các chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Tổng Công ty được xây dựng trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất của người lao động. Về chính sách bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, Tổng Công ty tổ chức thăm khám bệnh định kỳ, bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Tổng Công ty đã nhận thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ mà còn là ý thức việc bảo đảm môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường.

Chính vì vậy, Tổng Công ty đã và đang tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động thiện nguyện. Tổng Công ty luôn duy trì và phát triển công tác các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương. Nâng cao trách nhiệm với cộng đồng luôn là sứ mệnh mà công ty thực hiện ngay từ khi mới thành lập, góp phần vào công cuộc bảo vệ an ninh trật tự xã hội tại địa phương.





4 BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về các mặt hoạt động của Tổng Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

**Các kế hoạch, định hướng
của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Với bề dày lịch sử trải qua nhiều giai đoạn phát triển quan trọng của đất nước từ năm 1964 đến nay, Tổng Công ty CP Phong Phú đang mỗi ngày khẳng định là một thương hiệu uy tín được biết đến nhiều trong và ngoài nước với các sản phẩm nổi bật trong ngành Dệt may.

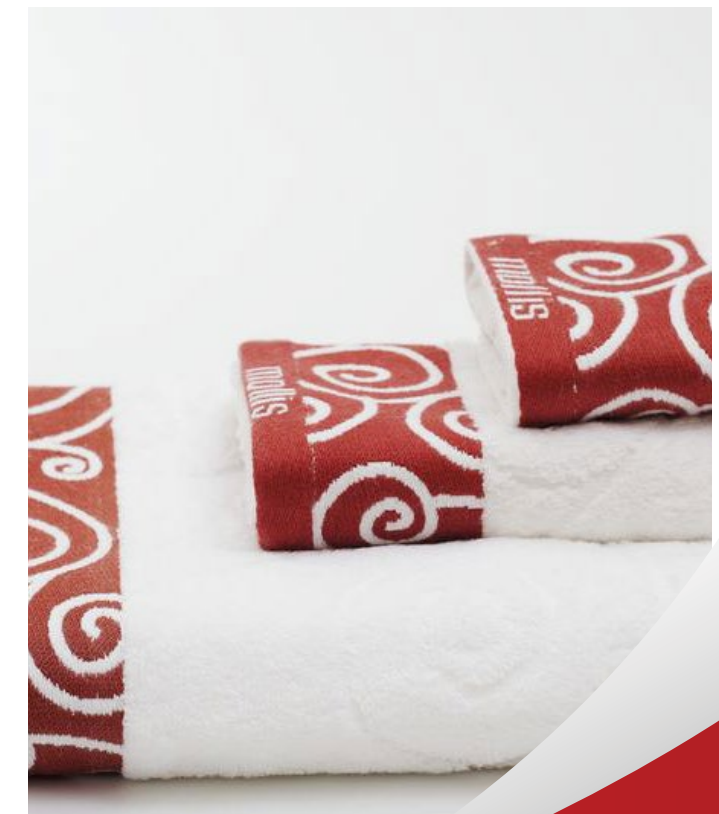


ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc đều có trình độ từ đại học trở lên, phần lớn đều có bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh, bằng quản trị Công ty, được đào tạo đầy đủ, chuyên sâu về chuyên môn, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.
- Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị hàng quý theo đúng quy định của Quy chế Nội bộ về quản trị Tổng Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các cấp quản lý cấp trung gian.
- Đặc biệt, trong năm 2021, ngoài việc tổ chức ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên quán triệt việc nâng cao ý thức phòng chống dịch Covid-19 cho toàn thể người lao động; Phối hợp chặt chẽ với địa phương tổ chức tiêm đủ ít nhất 02 mũi vacxin phòng dịch cho 100% người lao động.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC QUAN TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục đánh giá khả năng cạnh tranh dài hạn của Tổng Công ty trong giai đoạn 5 năm tới và tầm nhìn 10 năm (đầu tư, thị trường, nhân lực, chế độ đãi ngộ, v.v...).
- Hoàn thiện và ổn định nguồn nhân lực với mức độ hài lòng cao, xây dựng chính sách và chiến lược nhân lực của Tổng Công ty từ đào tạo, phát triển, đãi ngộ mang tính lâu dài phục vụ chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
- Rà soát toàn bộ quy trình, thực hiện số hóa toàn bộ dữ liệu quản trị, huy động chất xám chuyên gia để giảm chi phí trong hoạt động của Tổng Công ty, kể cả các chi phí ngoài phần cứng như vận chuyển, lương vùng miền, thuế, lợi thế khác, ...
- Xây dựng chính sách đào tạo và giao chỉ tiêu đào tạo cho từng vị trí: số lượng, nội dung, ...
- Thường xuyên chủ động có kế hoạch ứng phó khi dịch Covid-19 bùng phát lại, đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và đề ra các giải pháp khắc phục sau khi tình hình dịch được kiểm soát tốt.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã có nhiều giải pháp linh hoạt, quyết liệt để vượt qua những khó khăn, thách thức và đưa Tổng Công ty đạt được các kết quả như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt 2.072,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 381,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 380,2 tỷ đồng.
- Mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2021 dự kiến là 20%/mệnh giá CP.



Tổng doanh thu hợp nhất đạt

2.072,7 tỷ đồng

380,2 tỷ đồng
lợi nhuận sau thuế



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể CBCNV quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2022 đảm bảo tiêu chí “đổi mới, hội nhập, hiệu quả và tiết kiệm” với các kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí ...
- Chỉ đạo hoàn thiện công tác tái cấu trúc hệ thống tổ chức theo định hướng và kế hoạch đã đề ra.
- Chỉ đạo công tác lập quy hoạch, kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất dệt may.
- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.





5 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại thời điểm 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	200.000	0,27%
2	Ông Dương Khuê	Ủy viên/ Tổng Giám đốc	166.494	0,22%
3	Ông Phạm Xuân Trình	Ủy viên (Không điều hành)	482.900	0,65%
4	Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên (Không điều hành)	245.655	0,33%
5	Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên (Không điều hành)	242.727	0,33%

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2021

Không có

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN QUANG NGHỊ
Chủ tịch Hội Đồng quản trị

Với trình độ là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Quản lý Kinh tế. Hiện nay. Ông Nghị là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú. Ông bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1980, và có rất nhiều đóng góp vào những thành công của Tổng Công ty CP Phong Phú. Ông Nghị đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Coats Phong Phú.



Ông DƯƠNG KHUÊ
Ủy viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Xem tại danh sách Ban điều hành (trang 32)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà PHẠM MINH HƯƠNG Ủy viên Hội đồng quản trị (không điều hành)

Gắn bó với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2001 đến nay, bà Phạm Minh Hương đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm giữ các chức vụ quản lý điều hành tại Phong Phú và các doanh nghiệp dệt may. Hiện nay, bà là Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, Bà có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Thạc sĩ Tài chính.



Ông PHẠM XUÂN TRÌNH Ủy viên Hội đồng quản trị (không điều hành)

Ông Trình được bổ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2020 đến nay và là Bí thư Đảng ủy. Đồng thời, ông cũng là Giám đốc Điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Ông là Thạc sĩ quản trị điều hành, có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông Trình bắt đầu làm việc tại Phong Phú từ năm 1987 tại Nhà máy Dệt Phong Phú, đến nay là gần 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may,



Bà BÙI THỊ THU Ủy viên Hội đồng quản trị (không điều hành)

Bà Thu là Thạc sĩ Quản trị điều hành. Gắn bó với Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 1979, bà Thu đã có nhiều năm kinh nghiệm, giữ nhiều vị trí quan trọng như Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú. Hiện nay, bà là Ủy viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	48/48	100%
2	Ông Dương Khuê	Ủy viên/ Tổng Giám đốc	48/48	100%
3	Ông Phạm Xuân Trình	Ủy viên (Không điều hành)	48/48	100%
4	Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên (Không điều hành)	48/48	100%
5	Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên (Không điều hành)	48/48	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Cùng với cơ quan điều hành, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Tổng Công ty và đã có nhiều chỉ đạo, giải pháp quan trọng, hiệu quả, kịp thời về thị trường, nhân sự, đầu tư, tái cấu trúc hệ thống, ... giúp cho hoạt động của Tổng Công ty được thuận lợi và hiệu quả.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật Chứng khoán nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời chỉ đạo, giải quyết kịp thời những phát sinh đảm bảo cho hoạt động của Tổng Công ty đạt hiệu quả và đúng định hướng phát triển của Hội đồng quản trị. Toàn bộ biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp ký đầy đủ, theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các giải pháp nhanh chóng, kịp thời nhằm làm giảm các tác động trực tiếp và gián tiếp của đại dịch Covid - 19 đến thành quả hoạt động của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác chỉ đạo và định hướng để Ban Điều hành hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó, đảm bảo sự phát triển liên tục của Công ty, vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông. Ngoài ra, công tác quản lý doanh nghiệp cũng được HĐQT chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định, các chế độ, chính sách đối với người lao động cũng được xem xét, đảm bảo duy trì ổn định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nghị quyết Hội đồng quản trị trong năm 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	43/NQ-HĐQT	27/01/2021	Thông qua hạn mức tín dụng của Tổng Công ty CP Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).
2	45A/NQ-HĐQT	28/01/2021	Thông qua hạn mức tín dụng của Tổng Công ty CP Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).
3	80B/NQ-HĐQT	01/3/2021	Thông qua hạn mức tín dụng của Tổng Công ty CP Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
4	140A/NQ/HĐQT	09/04/2021	Về việc điều chỉnh giá trị dự toán đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất.
5	146A/NQ-HĐQT	15/4/2021	Về việc đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất.
6	160/NQ-HĐQT	23/4/2021	Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021.
7	203/ QĐ-HĐQT	25/5/2021	Về việc tạm ứng chi trả cổ tức năm 2020.
8	207/ NQ-HĐQT	26/5/2021	Về việc ủy quyền giao dịch giữa Tổng Công ty CP Phong Phú với các bên liên quan theo điều 167 Luật Doanh Nghiệp và điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Chứng khoán.
9	234/ NQ-HĐQT	16/6/2021	Về việc tạm hoãn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021.
10	235/ NQ-HĐQT	16/6/2021	Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
11	305/QĐ-HĐQT	18/8/2021	Về công tác nhân sự đại diện vốn tại Công ty CP Phát triển nhà Phong Phú- Deavvon- Thủ Đức.
12	316/NQ-HĐQT	30/8/2021	Về thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.Hồ Chí Minh.
13	360/NQ-HĐQT	25/10/2021	Về việc đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất.
14	349/NQ-HĐQT	19/10/2021	Về việc cấp tín dụng tại Ngân hàng VIB.
15	361/NQ-HĐQT	25/10/2021	Về Dự án hợp tác sản xuất và tiêu thụ điện mặt trời tại Cụm CN Phong Phú.
16	391B/NQ-HĐQT	01/12/2021	Về việc vay vốn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Phan Đình Phùng.
17	395A/NQ-HĐQT	07/12/2021	Về việc phê duyệt bổ sung tài sản thế chấp của HĐ vay vốn ADB giữa Tổng Công ty CP Phong Phú và Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo "Dự án 2- chương trình cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty".
18	408/NQ-HĐQT	14/12/2021	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin.
19	414/QĐ-HĐQT	24/12/2021	Về việc dự kiến kế hoạch chia cổ tức 2021.



BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tính tại thời điểm 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng BKS	41.327	0,06%
2	Bà Trần Liên Hữu	Thành viên BKS	7.561	0,01%
3	Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	3.000	0,004%

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

Không có

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ MỸ LỆ
Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lệ có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà cũng đã gắn bó với Phong Phú từ năm 1997, bắt đầu từ chuyên viên kế toán, Kế toán Trưởng, Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ và được tín nhiệm bầu Trưởng Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2019. Bà tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng. Ngoài ra, bà còn có các chứng chỉ như Chứng chỉ Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp; Chứng chỉ Giám đốc tài chính; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh thực nghiệm (EMBA); Chứng chỉ quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.



Bà TRẦN LIÊN HỮU
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Hữu trở thành Thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Phong Phú từ năm 2015. Bà cũng từng là kế toán tại Phong Phú nhiều năm. Bà giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm trợ lý Tổng giám đốc tại Công ty CP Dệt Đông Nam. Bà có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà có bằng Cử nhân kinh tế - Tài chính kế toán các ngành sản xuất; Cử nhân kinh tế - Tài chính kế toán; Cử nhân kinh tế - Quản trị Kinh doanh; Chứng chỉ Giám đốc Điều hành.



Bà VŨ THỊ THÙY DƯƠNG
Thành viên Ban kiểm soát

Bà Dương tốt nghiệp bằng Cử nhân kinh tế. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính- Kế toán. Từ năm 2011 đến nay, Bà Dương giữ các chức vụ như Phó Ban Tài chính Kế toán, Phó Chánh VP HĐQT Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Trước đó, bà từng là kế toán viên, chuyên viên Tài chính của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

BAN KIỂM SOÁT

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng BKS	04/04	100%
2	Bà Trần Liên Hữu	Thành viên BKS	04/04	100%
3	Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	04/04	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát (BKS) thường xuyên thông tin, trao đổi với nhau để các thành viên cùng phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ. BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) Tổng Công ty trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn của mình;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành; việc triển khai thực hiện nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) các Nghị quyết HĐQT đã ban hành;
- Thẩm định số liệu báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị do Tổng Công ty kiểm toán độc lập khuyến nghị;
- Giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng Công ty;
- Thẩm định kế hoạch và thực hiện quỹ tiền lương của Tổng Công ty;
- Phối hợp với các Phòng ban chức năng thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong Tổng Công ty; Giám sát việc thực hiện các ý kiến khắc phục của các Đoàn thanh tra, kiểm toán, kiểm soát tại Tổng Công ty....
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng Công ty trên Website của Tổng Công ty; Ủy ban chứng khoán Nhà nước ... theo các quy định của pháp luật, giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ hàng năm.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành trong năm 2021 là 920.000.000 đồng.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với công ty con và các công ty liên doanh, liên kết

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)
Công ty cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	
Mua hàng hóa, nguyên liệu	131.416.469.459
Mua dịch vụ	10.479.968.265
Bán hàng hóa, thành phẩm	140.282.659.573
Cung cấp dịch vụ	65.126.210.873
Cho thuê nhà xưởng	-
Bán tài sản	27.272.727
Cổ tức được chia	14.400.000.000
Lãi vay cho thuê tài sản	9.646.204.162
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	
Thu lãi cho vay	6.793.854.795
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	
Mua hàng hóa	59.809.170.886
Mua dịch vụ	-
Bán hàng hóa, thành phẩm	20.958.623.719
Cung cấp dịch vụ	9.649.235.719
Lãi vay phải thu	2.780.776.065

Ngoài ra, Tổng Công ty phát sinh giao dịch với Tập đoàn Dệt May Việt nam

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)
Cổ tức phải trả	67.335.832.800
Lãi vay phải trả	8.714.506.345
Mua nguyên vật liệu	-
Chi phí dịch vụ	68.128.450

Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	
Lợi nhuận được chia	233.557.335.418
Bán hàng hóa, thành phẩm	450.704.799.403
Cung cấp dịch vụ	12.872.372.998
Mua nguyên liệu	229.692.914.452





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(hợp nhất)

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng theo phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Tổng Công ty đã đang chờ phán quyết sau cùng và các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.479.935.413.268	1.566.315.155.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.158.052.726	98.888.303.699
1. Tiền	111		26.158.052.726	87.888.303.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	11.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	12.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		873.348.996.176	920.757.389.339
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	397.833.061.997	282.258.198.036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.841.748.709	4.664.479.519
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	116.600.000.000	131.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	388.792.253.116	528.088.708.550
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(35.942.364.881)	(26.371.646.823)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		224.297.235	517.650.057
IV. Hàng tồn kho	140		516.187.567.907	538.172.811.672
1. Hàng tồn kho	141	V.8	528.421.292.814	571.838.803.185
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(12.233.724.907)	(33.665.991.513)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.240.796.460	8.496.651.017
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.406.407.693	1.373.468.366
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.584.648.041	6.892.025.673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.20	249.740.726	231.156.978
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHI TIÊU	số	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.248.380.629.733	2.213.910.502.978
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		69.971.966.522	70.211.500.070
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	4.800.000.000	4.968.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	65.171.966.522	65.243.500.070
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	-
II. Tài sản cố định	220		1.217.895.249.421	1.238.964.107.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.092.553.652.738	1.189.392.970.792
- Nguyên giá	222		2.144.355.690.253	2.163.734.576.993
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.051.802.037.515)	(974.341.606.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	125.130.465.970	49.291.611.182
- Nguyên giá	225		139.020.698.678	59.909.591.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.890.232.708)	(10.617.980.734)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	211.130.713	279.525.857
- Nguyên giá	228		583.927.273	583.927.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(372.796.560)	(304.401.416)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		221.963.140.875	261.207.170.289
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	215.340.985.983	226.719.742.686
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	6.622.154.892	34.487.427.603
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		700.979.608.081	596.302.494.300
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	596.430.417.824	489.569.002.290
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	125.247.365.199	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	(20.698.174.943)	(18.513.873.189)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.570.664.835	47.225.230.488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18.871.575.053	24.589.490.226
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.16	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.17	18.699.089.782	22.635.740.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.728.316.043.002	3.780.225.658.705

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.879.732.633.932	2.149.687.914.049
I. Nợ ngắn hạn	310		953.151.112.619	1.120.238.358.876
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.18	314.279.786.090	258.366.131.060
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.19	22.902.811.057	20.411.154.214
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.20	4.527.697.869	24.783.661.799
4. Phải trả người lao động	314	V.21	56.770.756.538	44.974.262.227
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	7.957.867.973	7.206.252.908
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.23a,c	3.263.143.818	3.263.143.818
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24a,c	6.488.343.465	26.027.422.318
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.25a,c	451.590.385.970	711.044.896.336
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.26a	62.473.188.366	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.27	22.897.131.473	24.161.434.196
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		926.581.521.313	1.029.449.555.173
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.23b,c	27.560.982.724	31.200.148.544
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.24b,c	29.426.000.000	29.426.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.25b,c	864.705.320.389	966.535.564.759
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26b	4.889.218.200	2.287.841.870
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.848.583.409.070	1.630.537.744.656
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.848.583.409.070	1.630.537.744.656
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.28	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	418.850.500.432	375.429.581.476
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.28	630.975.128.541	456.840.597.191
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		252.849.072.511	456.840.597.191
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		378.126.056.030	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	19.680.594.096	19.190.379.988
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.41	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.42	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.728.316.043.002	3.780.225.658.705

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.657.362.685.527	2.106.566.742.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.223.185.707	7.433.374.454
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.652.139.499.820	2.099.133.368.320
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.363.527.050.926	1.859.225.780.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		288.612.448.894	239.907.588.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.639.215.012	29.732.043.405
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	47.544.143.799	93.926.136.607
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.654.125.602	82.436.804.035
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.15a	342.303.645.121	335.561.374.900
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	62.292.459.070	75.781.659.438
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	143.182.496.569	138.419.467.250
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		412.536.209.590	297.073.743.270
12. Thu nhập khác	31	VI.8	43.636.045.977	270.839.113
13. Chi phí khác	32	VI.9	74.510.389.891	11.740.260.772
14. Lợi nhuận khác	40		(30.874.343.914)	(11.469.421.659)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		381.661.865.676	285.604.321.611
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	1.481.344.218	2.183.832.929
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		380.180.521.458	283.420.488.682
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		378.126.056.030	280.739.509.842
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.054.465.428	2.680.978.840
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.684	3.473
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	4.684	3.473

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		381.661.865.676	285.604.321.611
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.17	136.568.738.425	145.913.861.860
- Các khoản dự phòng	03	V.7, V.8, V.15, V.27	56.283.035.775	17.396.883.569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(6.318.281.657)	(229.930.116)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.15, VI.4, VI.8	(359.534.872.084)	(333.864.033.698)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	41.654.125.602	82.436.804.035
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		250.314.611.737	197.257.907.261
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.905.897.587)	400.831.153.929
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		54.796.267.074	229.653.927.614
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.784.713.908	(95.919.298.496)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		15.397.131.347	4.846.158.247
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.22, V.24, V.25, VI.5, V.20	(54.578.532.950)	(99.338.368.956)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.082.509.274)	(2.181.618.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.506.661.799)	(20.067.859.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		213.219.122.456	615.082.001.012
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.14, VII	(92.213.438.401)	(37.707.493.270)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.14, VI.8	16.294.977.047	8.264.470.883
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(27.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2, V.5	30.168.000.000	324.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, V.15, VI.4, VII	344.289.605.199	394.832.944.068
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		271.539.143.845	365.713.921.681

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.25, VII	1.383.581.928.966	1.836.445.260.294
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.25	(1.722.776.511.558)	(2.551.752.301.558)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.25	(21.967.267.339)	(9.942.455.384)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24, V.28	(156.318.963.000)	(219.342.147.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(517.480.812.931)	(944.591.644.508)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.722.546.630)	36.204.278.185
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	98.888.303.699	62.686.638.968
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.704.343)	(2.613.454)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	66.158.052.726	98.888.303.699

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tẩy, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu của Tập đoàn năm nay giảm mạnh so với năm trước chủ yếu là do Tổng Công ty đã cơ cấu, tổ chức và sắp xếp lại các mảng sản xuất để thích ứng với tình hình thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, do chi phí lãi vay giảm và khoản thu nhập do nhận tiền đền bù, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất đã giúp cho lợi nhuận của Tập đoàn năm nay gia tăng mạnh so với năm trước.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của các công ty trong Tập đoàn nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con này được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

7a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tổng Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú có trụ sở chính tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại công ty con này là 90% (số đầu năm là 90%).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7b. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	31,71%	31,71%	34,74%	34,74%
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	35,99%	35,99%	35,99%	35,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	30,35%	30,35%	30,35%	30,35%

3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước trước so sánh được với số liệu của năm nay.

3. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.784 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.968 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

030
TỔNG
CỔ
PH
00C-

030
CỔ
ÁCH N
M TO
A
TINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4460

CÔNG
PHẢI
NG P

P.H

4498

NG T
NIỆM M
ÁN VÀ
&

T.P.V

26-C
TY
HỨ
CH

15-C
Y
DU HA
TUVI
G
00C

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê xe được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (07 năm).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Máy móc và thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

U.N.P
TỔ
PH
Đ

030
C
TÁCH
EM T
A
BÌNH

30144
VG CÔ
CỔ PH
ONG
-T.P

04498
ÔNG
NHIỆM
OÁN VÀ
&
-T.P

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

106-
G TY
N
H
S CH

15-C
Y
TU HAI
TU VA
C
Đ CH

T.C.P
H

T.N.H
H
H

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.320.949.936	3.491.476.480
Tiền gửi ngân hàng	23.837.102.790	84.396.827.219
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	40.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	66.158.052.726	98.888.303.699

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	203.228.567.740	48.948.002.567
Công ty TNHH Coats Phong Phú	175.611.285.800	32.615.019.194
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.930.807.340	14.430.807.340
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	13.686.474.600	1.902.176.033
Phải thu các khách hàng khác	194.604.494.257	233.310.195.469
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	32.923.446.043	32.923.446.043
Các khách hàng khác	161.681.048.214	200.386.749.426
Cộng	397.833.061.997	282.258.198.036

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	2.508.914.736	2.508.914.736
Các nhà cung cấp khác	3.332.833.973	2.155.564.783
Cộng	5.841.748.709	4.664.479.519

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cho vay bên liên quan	55.000.000.000	70.000.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	55.000.000.000	70.000.000.000
Phải thu cho vay tổ chức khác	61.600.000.000	61.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	61.600.000.000	61.600.000.000
Cộng	116.600.000.000	131.600.000.000

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	-	168.000.000
Cộng	4.800.000.000	4.968.000.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	135.564.896.338	-	233.880.304.519	-
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	79.466.400.000	-	184.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam - Phải thu tiền lãi vay	55.852.879.448	-	49.059.024.653	-
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang - Phải thu tiền lãi vay	245.616.890	-	321.279.866	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	253.227.356.778	(3.242.551.090)	294.208.404.031	(3.242.551.090)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lợi nhuận dự án hợp tác kinh doanh Đồng Mai	98.402.161.112	-	98.402.161.112	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	47.521.360.554	-	41.880.107.130	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền hợp tác kinh doanh dự án Đồng Mai	80.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền chậm thanh toán	22.421.436.833	-	12.389.738.204	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Phải thu tiền lãi cho vay	117.537.791	-	1.220.569.925	-
Tạm ứng	693.063.933	-	1.064.315.394	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.071.796.555	(3.242.551.090)	4.251.512.266	(3.242.551.090)
Cộng	388.792.253.116	(3.242.551.090)	528.088.708.550	(3.242.551.090)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (*)	43.532.895.759	-	43.532.895.759	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	19.921.879.250	-	19.891.898.420	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.717.191.513	-	1.818.705.891	-
Cộng	65.171.966.522	-	65.243.500.070	-

(*) Ngày 09 tháng 4 năm 2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 279/TB-VP nêu kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Võ Văn Hoan về việc thống nhất chủ trương Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV không tiếp tục thực hiện dự án và giao cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH đảm phán, chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty. Hai bên đã làm việc và thống nhất chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh, tiến hành thuê kiểm toán toàn bộ chi phí đầu tư dở dang của dự án để xây dựng phương án xử lý tài chính cụ thể.

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	32.923.446.043	9.300.622.988	32.923.446.043	15.715.833.457
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.517.925.590	440.934.853	8.286.611.741	2.365.128.594
Cộng	45.683.922.723	9.741.557.841	44.452.608.874	18.080.962.051

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.371.646.823	8.460.441.541
Trích lập dự phòng	9.570.718.059	17.911.205.282
Số cuối năm	35.942.364.881	26.371.646.823

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	44.455.120.209	-	3.142.536.063	-
Nguyên liệu, vật liệu	89.171.286.536	(1.298.388.933)	97.953.473.486	(5.079.227.955)
Công cụ, dụng cụ	62.519.864	-	120.639.266	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	207.520.407.111	-	229.167.480.659	(2.943.005.278)
Thành phẩm	175.441.683.016	(10.935.335.974)	229.417.381.307	(25.643.758.280)
Hàng hóa	3.990.511.500	-	13.971.042	-
Hàng gửi đi bán	7.779.764.578	-	12.023.321.362	-
Cộng	528.421.292.814	(12.233.724.907)	571.838.803.185	(33.665.991.513)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	33.665.991.513	35.677.062.693
Hoàn nhập dự phòng	(20.546.548.734)	(2.011.071.180)
Xuất khác	(885.717.872)	-
Số cuối năm	12.233.724.907	33.665.991.513

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.006.911.458	322.784.612
Chi phí sửa chữa	-	299.206.618
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	399.496.235	751.477.136
Cộng	1.406.407.693	1.373.468.366

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	2.127.348.556	4.133.075.560
Chi phí sửa chữa	6.482.934.996	6.815.789.540
Chi phí thuê	248.500.000	674.500.000
Tiền thuê đất	8.326.530.600	9.795.918.360
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.686.260.901	3.170.206.766
Cộng	18.871.575.053	24.589.490.226

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 758.238.556.015 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.25).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.710.863.370	1.198.728.546	59.909.591.916
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	85.938.717.077	-	85.938.717.077
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.628.881.769)	(1.198.728.546)	(6.827.610.315)
Số cuối năm	139.020.698.678	-	139.020.698.678
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	10.238.383.344	379.597.390	10.617.980.734
Khấu hao trong năm	6.150.466.855	109.883.455	6.260.350.310
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.498.617.491)	(489.480.845)	(2.988.098.336)
Số cuối năm	13.890.232.708	-	13.890.232.708

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.472.480.026	819.131.156	49.291.611.182
Số cuối năm	125.130.465.970	-	125.130.465.970
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trung (đánh nghĩa).

12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	583.927.273	304.401.416	279.525.857
Khấu hao trong năm		68.395.144	
Số cuối năm (*)	583.927.273	372.796.560	211.130.713

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 213.000.000 VND.

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí của Dự án Thăng Lợi.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh trong năm (*)		Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Thanh lý trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Số cuối năm				
Mua sắm tài sản cố định	18.894.540.740	90.329.285.760	(102.540.219.092)	(1.896.626.470)	-	4.786.980.938
Xây dựng cơ bản dở dang	15.592.886.863	6.923.587.086	(12.850.727.239)	(5.127.582.756)	(2.702.990.000)	1.835.173.954
Cộng	34.487.427.603	97.252.872.846	(115.390.946.331)	(7.024.209.226)	(2.702.990.000)	6.622.154.892

(*) Trong đó, máy móc thiết bị tăng trong năm từ đi thuê tài chính là 2.702.990.000 VND.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 13.177.108 VND (năm trước là 258.980.925 VND).

15. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

15a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	283.831.647.012	369.085.285.590	85.253.638.578	157.665.335.103	242.918.973.681
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	565.502.290	10.565.502.290	10.000.000.000	551.456.768	10.551.456.768
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000	(2.012.794.909)	4.756.821.091	6.769.616.000	(2.158.452.192)	4.611.163.808
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	(2.820.748.790)	141.765.451.818	144.586.200.608	18.981.885.683	163.568.086.291
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-	6.800.516.237	(6.800.516.237)	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	25.297.321.208	9.809.427.015	35.106.748.223	25.297.321.208	8.096.373.135	33.393.694.343
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	70.968.627.165	(35.818.018.353)	35.150.608.812	70.968.627.165	(36.442.999.766)	34.525.627.399
Cộng	349.675.919.796	246.754.498.028	596.430.417.824	349.675.919.796	139.893.082.494	489.569.002.290

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm		Giá trị phần sở hữu cuối năm
			Điều chỉnh giảm khác		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	242.918.973.681	361.143.086.746	(233.557.335.418)	(1.419.439.419)	369.085.285.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.551.456.768	14.045.522	-	-	10.565.502.290
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	4.611.163.808	145.657.282	-	1	4.756.821.091
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	163.568.086.291	(21.497.417.437)	-	(305.217.036)	141.765.451.818
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	33.393.694.343	1.850.048.962	-	(136.995.082)	35.106.748.223
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	34.525.627.399	648.224.046	-	(23.242.633)	35.150.608.812
Cộng	489.569.002.290	342.303.645.121	(233.557.335.418)	(1.884.894.169)	596.430.417.824

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Tình hình thị trường và dịch bệnh Covid-19 bùng phát làm ảnh hưởng đến hoạt động của một số công ty trong ngành bất động sản như Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức. Công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác không có thay đổi lớn so với năm trước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	233.557.335.418	283.810.637.475
Cung cấp dịch vụ	12.872.372.998	14.898.472.883
Bán thành phẩm, hàng hóa	450.704.799.403	420.470.866.753
Mua nguyên liệu	231.368.987.170	145.590.352.585
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn		
Cổ tức được chia	-	300.000.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt		
Cổ tức được chia	-	634.652.566
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Lãi cho vay	6.793.854.795	7.413.254.794
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang		
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	59.809.170.886	276.267.952.113
Mua dịch vụ	-	827.278.527
Bán thành phẩm, hàng hóa	20.958.623.600	10.509.314.205
Cung cấp dịch vụ	9.649.235.719	11.115.317.997
Lãi vay phải thu	2.780.776.065	4.294.311.916

15b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(7.587.377.354)	11.282.879.453	(7.398.663.865)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(2.314.642.263)	2.984.184.383	(1.968.241.214)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	(3.278.429.206)	12.018.427.562	(909.139.055)
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	-	1.813.677.769	(720.102.935)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thuận Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(328.266.919)	7.299.200.000	(328.266.919)
Cộng	125.247.365.199	(20.698.174.943)	125.247.365.199	(18.513.873.189)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.513.873.189	16.198.122.522
Trích lập dự phòng	2.184.301.754	2.315.750.667
Số cuối năm	20.698.174.943	18.513.873.189

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	92.816.109.242	25.289.920.073
Các chi phí phải trả	2.791.779.917	4.563.468.522
Dự phòng phải trả	62.473.188.366	-
Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	27.551.140.959	20.726.451.551
Lỗi tính thuế	341.938.368.231	427.828.246.237
Cộng	434.754.477.473	453.118.166.310

⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

17. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	61.306.069.300
Số cuối năm	61.306.069.300
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	38.670.329.038
Phân bổ trong năm	3.936.650.480
Số cuối năm	42.606.979.518
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	22.635.740.262
Số cuối năm	18.699.089.782

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	134.349.613.092	109.231.877.908
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.751.213.470	60.804.109.546
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	58.598.399.622	48.427.768.362
Phải trả các nhà cung cấp khác (*)	179.930.172.998	149.134.253.152
Cộng	314.279.786.090	258.366.131.060

(*) Tại thời điểm cuối năm tài chính, nợ phải trả các nhà cung cấp khác đã được các ngân hàng tài trợ thanh toán bằng Upas L/C là 95.717.397.492 VND (số đầu năm là 54.326.619.391 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	36.845.370	36.845.370
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	36.845.370	36.845.370
Trả trước của các người mua khác	22.865.965.687	20.374.308.844
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	12.903.387.787	10.411.730.944
Cộng	22.902.811.057	20.411.154.214

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt:	10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm:	05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	-	321.621.485
Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	1.481.344.218	1.862.211.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.481.344.218	2.183.832.929

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

21. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, thưởng,... còn phải trả cho người lao động.

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.071.191.093	844.075.861
Chi phí hoa hồng	1.220.274.553	2.997.050.086
Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị	2.691.172.484	1.962.165.315
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.975.229.843	1.402.961.646
Cộng	7.957.867.973	7.206.252.908

23. Doanh thu chưa thực hiện

23a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.23b)	3.157.462.000	3.157.462.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	105.681.818	105.681.818
Cộng	3.263.143.818	3.263.143.818

23b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê nhà máy ⁽ⁱ⁾	26.838.427.000	29.995.889.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	722.555.724	1.204.259.544
Cộng	27.560.982.724	31.200.148.544

(i) Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

(ii) Doanh thu tương ứng với giá trị lớn hơn giữa giá bán và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính trong giao dịch bán và thuê lại tài sản.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

24. Phải trả khác

24a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	749.345.869	21.077.053.989
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Chi phí lãi vay	749.345.869	777.702.789
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Cổ tức phải trả	-	20.299.351.200
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.738.997.596	4.950.368.329
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.930.289.659	2.703.739.629
Cổ tức phải trả	701.661.135	713.669.135
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.107.046.802	1.532.959.565
Cộng	6.488.343.465	26.027.422.318

24b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	24.726.000.000	24.726.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	19.500.000.000	19.500.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	29.426.000.000	29.426.000.000

24c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

25. Vay và nợ thuê tài chính

25a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	11.003.785.192	10.109.219.687
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (xem thuyết minh số V.25b)	11.003.785.192	10.109.219.687
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	440.586.600.778	700.935.676.649
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	370.411.453.163	624.809.243.190
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30.598.107.258	67.694.953.584
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.218.872.440	70.805.067.465
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	258.964.433.077	384.812.926.923
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	5.963.480.388	31.880.598.393
Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	20.040.052.485
Ngân hàng TMCP Á Châu	48.666.560.000	16.668.370.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	32.907.274.340
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25b)	53.419.779.232	66.314.590.819
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25b)	16.755.368.383	9.811.842.640
Cộng	451.590.385.970	711.044.896.336

(*) Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh.

Trong đó, số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 147.726.533.254 VND (số đầu năm là 159.820.960.109 VND) được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận; Hồ xử lý nước thải giai đoạn 2 : 3.700m³/ngày đêm; Hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu ZA207TI; Hệ thống máy móc, thiết bị hình thành từ dự án “Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy dậu thế hệ mới” (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

25b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả bên liên quan	503.416.884.812	521.041.703.933
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	503.416.884.812	521.041.703.933
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	361.288.435.577	445.493.860.826
Vay dài hạn ngân hàng	191.230.343.426	309.223.759.906
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	191.230.343.426	284.443.800.246
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	15.180.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	9.599.959.660
Vay dài hạn các tổ chức khác	4.480.000.000	7.040.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.480.000.000	7.040.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(iv)	110.550.664.407	110.048.357.110
Nợ thuê tài chính	55.027.427.744	19.181.743.810
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(v)	51.110.642.446	12.559.642.331
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(vi)	3.916.785.298	6.622.101.479
Cộng	864.705.320.389	966.535.564.759

(i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:

- Thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- Thanh toán chi phí thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú” và máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1” (xem thuyết minh số V.10).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Bù đắp các chi phí các dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận; hạn mức cho vay tối đa là 30.000.000.000 VND với lãi suất 10,5%/năm tại ngày giải ngân (lãi suất được điều chỉnh theo sự thỏa thuận giữa hai bên). Thời hạn cho vay đến 22 tháng 8 năm 2024 (81 tháng). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là công trình “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” và tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1” (xem thuyết minh số V.10).
- Đầu tư mua máy móc thiết bị tại Nhà máy dệt Hải Vân, hạn mức cho vay tối đa là 3.283.000.000 VND với lãi suất cho vay tại ngày giải ngân là 9,2%/năm (lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của phương án “Đầu tư máy móc thiết bị nhà máy Hải Vân” (xem thuyết minh số V.10).
- Đầu tư thực hiện dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2” tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, hạn mức cho vay tối đa là 150.222.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với lãi suất theo từng lần giải ngân (được điều chỉnh 03 tháng/lần). Thời hạn cho vay là 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm công trình xưởng chuẩn bị Nhà máy dệt và xưởng Jacquard công nhân nhà máy dệt tại Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của dự án Nhà máy Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 (xem thuyết minh số V.10).

(iii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:

- Khoản vay 12.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.250m³/ngày đêm với lãi suất 3,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
- Khoản vay 15.000.000.000 VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.850 m³/ngày đêm với lãi suất 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.

(iv) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(v) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cho các mục đích sử dụng như sau:

- Đề thuê máy móc thiết bị với thời hạn thuê là 84 tháng.
- Đề thuê máy móc thiết bị nhuộm, máy hồ, máy nhuộm khăn và xe ô tô. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.

(vi) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease cho các mục đích sử dụng như sau:

- Đề thuê 04 máy cắt ngang tự động khổ hẹp Model HEIGTAI HT-420, máy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang, máy mài dao gặt A-305 và 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng, số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề thuê các tài sản gồm áy in phun kỹ thuật số DS-EJ640 Model Roland EJ640, máy khuấy in màu Model Cp5vr, máy phủ keo cảm quang và máy mài dao gặt A-305. Thời hạn thuê 48 tháng và số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề mua 12 máy nhuộm. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 25 tháng 12 năm 2023. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.
- Đề mua hệ thống dây chuyền in bông 10 màu. Thời hạn thuê 48 tháng đến ngày 11 tháng 12 năm 2024. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	242.090.122.658	50.859.779.232	163.625.637.026	27.604.706.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	521.460.670.004	13.563.785.192	60.990.565.981	446.906.318.831
Vay dài hạn các cá nhân	110.550.664.407	-	-	110.550.664.407
Nợ thuê tài chính	71.782.796.127	16.755.368.383	41.690.537.055	13.336.890.689
Cộng	945.884.253.196	81.178.932.807	266.306.740.062	598.398.580.327
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	372.978.350.725	63.754.590.819	220.616.112.091	88.607.647.815
Vay dài hạn các tổ chức khác	540.750.923.620	12.669.219.687	58.956.463.630	469.125.240.303
Vay dài hạn các cá nhân	110.048.357.110	-	-	110.048.357.110
Nợ thuê tài chính	28.993.586.450	9.811.842.640	18.411.384.215	770.359.595
Cộng	1.052.771.217.905	86.235.653.146	297.983.959.936	668.551.604.823

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

25c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	19.216.807.902	12.093.302.420	(15.084.236.952)	16.225.873.370
Quỹ phúc lợi	3.669.631.675	3.000.000.000	(2.007.526.191)	4.662.105.484
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.274.994.619	7.498.451.652	(6.764.293.652)	2.009.152.619
Cộng	24.161.434.196	22.591.754.072	(23.856.056.795)	22.897.131.473

27. Dự phòng phải trả

27a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Trong năm, căn cứ theo nội dung phán quyết của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 12 năm 2021 về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND. Theo đó, mức dự phòng phải trả tổn thất được dựa trên diện tích 9,568 m² đất (tương ứng diện tích phần đất liền kề đã huy động vốn và ký hợp đồng chuyển nhượng) và tỷ lệ tổn thất là 28% phần vốn góp của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

27b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp mất việc làm. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.287.841.870	3.106.843.070
Số trích lập bổ sung	3.245.740.930	28.550.660
Số sử dụng	(644.364.600)	(847.551.860)
Số cuối năm	4.889.218.200	2.287.841.870

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

28. Vốn chủ sở hữu

28a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

28b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

28c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 25 tháng 9 năm 2021 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/mệnh giá cổ phiếu)	134.407.603.800
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (20%)	41.008.038.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (7%)	14.352.813.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (3%)	6.151.206.000
• Trích thưởng vượt kế hoạch (10% lợi nhuận vượt kế hoạch)	542.952.000

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	583.661,45	259.338,47
Euro (EUR)	343,63	387,55

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.372.745.640.164	1.497.354.386.058
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	284.353.408.999	597.663.615.016
Doanh thu kinh doanh bất động sản	263.636.364	11.548.741.700
Cộng	1.657.362.685.527	2.106.566.742.774

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.15a, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.158.921.131.945	1.354.558.541.129
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	224.888.831.351	496.737.675.834
Giá vốn của bất động sản đã bán	263.636.364	9.940.634.277
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(20.546.548.734)	(2.011.071.180)
Cộng	1.363.527.050.926	1.859.225.780.060

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	686.876.712	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	389.223.927	305.764.640
Lãi trả chậm thanh toán	10.031.698.629	12.273.555.556
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.925.712.000	9.800.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.557.408.365	6.799.342.028
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.020.184.177	425.045.946
Doanh thu hoạt động tài chính khác	28.111.202	127.623.235
Cộng	34.639.215.012	29.732.043.405

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.654.125.602	82.436.804.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	889.200.136	5.324.237.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	701.902.520	195.115.830
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.184.301.754	2.315.750.667
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.114.613.787	3.654.228.231
Cộng	47.544.143.799	93.926.136.607

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.260.677.125	17.184.271.891
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.974.305.457	75.765.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.328.844	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.090.620.793	42.254.418.473
Chi phí khác	7.962.526.851	16.267.203.134
Cộng	62.292.459.070	75.781.659.438

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	66.622.428.070	61.388.640.168
Chi phí vật liệu quản lý	4.272.514.013	3.078.021.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.730.745.066	3.328.828.496
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	3.936.650.480	3.936.650.480
Thuế, phí và lệ phí	11.557.563.170	5.542.475.733
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.570.718.059	17.911.205.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.040.875.146	31.188.006.179
Chi phí khác	10.451.002.565	12.045.639.464
Cộng	143.182.496.569	138.419.467.250

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.618.638.251	-
Thu tiền đền bù, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất	33.409.384.500	-
Thu nhập khác	1.608.023.226	270.839.113
Cộng	43.636.045.977	270.839.113

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	11.498.053.202
Chi phí quản lý dự án	11.378.756.703	-
Chi phí dự phòng phải trả dự án Tăng Phú	62.473.188.366	-
Chi phí khác	658.444.822	242.207.570
Cộng	74.510.389.891	11.740.260.772

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	378.126.056.030	280.739.509.842
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(19.141.609.000)	(14.352.813.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(8.346.185.000)	(6.694.158.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(914.000.000)	(389.333.334)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	349.724.262.030	259.303.205.508
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	74.670.891	74.670.891
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.684	3.473

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	16.630.710.314	20.031.592.367
Cần trừ khoản phải trả tiền vay với công nợ phải thu	-	6.974.510.416
Cần trừ lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	8.288.216.136	4.774.053.110
Mua sắm tài sản cố định bằng nhận nợ thuê tài chính	2.973.289.000	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	329.260.680

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền mua tài sản cố định	797.115.800	4.118.791.781
Trả trước mua tài sản cố định	220.456.800	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	73.092.418.248	68.205.154.959
Trên 01 năm đến 05 năm	252.558.009.047	241.099.391.282
Trên 05 năm	384.500.561.913	374.064.812.198
Cộng	710.150.989.208	683.369.358.439

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.475.490.470 VND (năm trước là 2.423.883.200 VND).

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewooon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.15a, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả	8.714.506.345	14.138.871.800
Mua dịch vụ	68.128.450	218.800.000
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	-	1.870.215.480
Cổ tức phải trả	67.335.832.800	82.299.351.200

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.18, V.19, V.24 và V.25.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang,..
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	950.920.656.885	1.421.227.208.639
Các nước khác	701.218.842.935	677.906.159.681
Cộng	1.652.139.499.820	2.099.133.368.320

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin khác

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2649/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 6077/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về chấp thuận cho chuyển nhượng Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNIII MTV và Tổng Công ty. Theo đó, hai bên phải giao trả, chuyển giao những gì mà hai bên đã thỏa thuận của nhau trước đây và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau; thông báo cho các bên có liên quan về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức; giải quyết các vấn đề phát sinh với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án do hai bên đã ký kết trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2018 và 2019, Tập đoàn đã bàn giao một số căn cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn vào kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Doanh thu kinh doanh bất động sản	115.401.827.748
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	111.481.102.764
Lãi gộp	3.920.724.984

Tại ngày kết thúc năm tài chính, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức là 76.285.461.700 VND.

Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã đưa ra phán quyết về vi phạm của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV khi chuyển nhượng dự án Khu nhà ở tại Khu phố 4, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm chuyển nhượng là 348.779.619.741 VND. Theo đó, Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải trả khoản tổn thất cho Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn dựa trên xác định thiệt hại tại thời điểm chuyển nhượng với số tiền là 62.473.188.366 VND (xem thuyết minh số V.27).

Hiện tại Tập đoàn đang chờ phán quyết sau cùng và các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề dân sự phát sinh (nếu có) do việc hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án giữa các bên theo quy định pháp luật hiện hành.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Dương Khuê
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	629.294.327.255	1.481.633.756.061	41.463.971.724	11.342.521.953	-	2.163.734.576.993
Mua trong năm	-	159.632.000	320.000.000	659.500.000	-	1.139.132.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	29.452.229.254	-	-	-	29.452.229.254
Mua tài sản cố định thuê tài chính	-	5.633.881.769	1.200.228.546	-	-	6.834.110.315
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.985.498.595)	(1.818.859.714)	-	-	(56.804.358.309)
Số cuối năm	629.294.327.255	1.461.894.000.489	41.165.340.556	12.002.021.953	-	2.144.355.690.253
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.025.442.453	230.015.758.667	7.316.238.007	2.745.262.883	-	289.102.702.010
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	174.569.954.837	773.505.226.326	21.253.586.250	5.012.838.788	-	974.341.606.201
Khấu hao trong năm	22.843.322.096	99.228.404.582	3.476.454.265	755.161.548	-	126.303.342.491
Mua tài sản cố định thuê tài chính	-	2.498.617.491	489.480.845	-	-	2.988.098.336
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.113.816.454)	(1.717.193.059)	-	-	(51.831.009.513)
Số cuối năm	197.413.276.933	825.118.431.945	23.502.328.301	5.768.000.336	-	1.051.802.037.515
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	454.724.372.418	708.128.529.735	20.210.385.474	6.329.683.165	-	1.189.392.970.792
Số cuối năm	431.881.050.322	636.775.568.544	17.663.012.255	6.234.021.617	-	1.092.553.652.738
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-


Lê Thị Tú Anh
Người lập


Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng



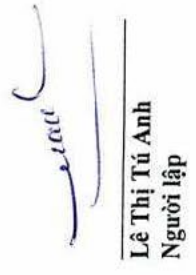

Dương Khuê
Tổng Giám đốc

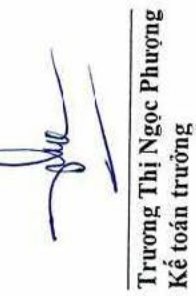
H-T
A
H NHI
0044

PH
CÔ
PH
NG
44

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.228.958.284	-	10.278.484.945	(15.473.175.540)	34.267.689	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	9.749.303.815	(9.749.303.815)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.387.963	484.724.515	(503.308.263)	-	41.971.711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	554.162.219	207.769.015	1.481.344.218	(1.082.509.274)	952.997.162	207.769.015
Thuế thu nhập cá nhân	4.370.406.356	-	10.430.541.235	(11.495.348.121)	3.305.599.470	-
Thuế tài nguyên	27.184.658	-	545.357.320	(562.651.938)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.602.950.282	-	14.288.580.991	(28.666.587.764)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	947.819.550	(947.819.550)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	17.000.000	(17.000.000)	-	-
Cộng	24.783.661.799	231.156.978	48.223.156.589	(68.497.704.265)	4.527.697.869	249.740.726


Lê Thị Tú Anh
Người lập


Trương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc

PH
M H
VÀ T
0
987

PH
CÔ
PH
NG
106

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.367.522.454.457	284.617.045.363	-	1.652.139.499.820
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.367.522.454.457	284.617.045.363	-	1.652.139.499.820
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	229.147.871.246	59.464.577.648	-	288.612.448.894
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(205.474.955.639)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	83.137.493.255
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	34.639.215.012
Chi phí tài chính	-	-	-	(47.544.143.799)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	361.936.968.074	(19.633.322.953)	-	342.303.645.121
Thu nhập khác	-	-	-	43.636.045.977
Chi phí khác	-	-	-	(74.510.389.891)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.481.344.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.367.522.454.457	284.617.045.363	-	1.652.139.499.820
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	99.125.304.037	53.121.043	-	99.178.425.080
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	115.575.892.660	38.783.681.621	-	154.359.574.281
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	16.972.094.389	62.473.188.366	-	79.445.282.755



Năm trước	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.490.504.200.525	608.629.167.795	-	2.099.133.368.320
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.490.504.200.525	608.629.167.795	-	2.099.133.368.320
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	137.956.730.576	101.950.857.684	-	239.907.588.260
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(214.201.126.688)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	25.706.461.572
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	29.732.043.405
Chi phí tài chính	-	-	-	(93.926.136.607)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	330.873.548.727	4.687.826.173	-	335.561.374.900
Thu nhập khác	-	-	-	270.839.113
Chi phí khác	-	-	-	(11.740.260.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(2.183.832.929)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.490.504.200.525	608.629.167.795	-	2.099.133.368.320
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	64.421.634.055	5.758.515.973	-	70.180.150.028
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	135.026.212.207	37.883.083.531	-	172.909.295.738
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	17.092.204.082	-	-	17.092.204.082





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN **PHONG PHÚ**



www.phongphucorp.com



028 6684 7979



028 3728 1893



48 Tầng Nhơn Phú, KP3, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam